

**PHẦN THỨ II**

**HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ  
NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG  
THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ  
NGHĨA**



*Người soạn: Trần Văn Thắng*

*Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng – Khoa Lý Luận Chính Trị*





“Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên thì Mác chú ý nhiều nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Tác phẩm chính của Mác là bộ "Tư bản" được dành riêng để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Học thuyết kinh tế của Mác là “nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác”<sup>2</sup>; là kết quả vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào quá trình nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bộ Tư bản chính là công trình khoa học vĩ đại nhất của C.Mác. “Mục đích cuối cùng của bộ sách này là phát hiện ra quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại”, nghĩa là của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội tư sản. Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác”<sup>3</sup> mà trọng tâm của nó là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư.

#### **CHƯƠNG 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ**

**Mục đích yêu cầu:**

##### **1. Về kiến thức**

- **Nêu được điều kiện ra đời và đặc trưng của sản xuất hàng hóa**
- **Nêu các thuộc tính của hàng hóa và tính chất hai mặt của sản xuất hàng hóa**
- **Tiền tệ và lịch sử phát triển của tiền tệ và các chức năng của nó.**
- **Nội dung yêu cầu của quy luật giá trị, tác động của quy luật giá trị đối với nền kinh tế nước ta hiện nay**

##### **2. Về thái độ**

- **Có cách nhìn nhận đúng đắn về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa**
- **Nhìn nhận đúng đắn về ưu thế của nền kinh tế hàng hóa và tác động tích cực của nó đối với nền kinh tế nước ta**
- **Có thái độ đúng đắn về sự tác động của quy luật giá trị đối với nền kinh tế nước ta và có thái độ tích cực về sự tác động đó**

#### **Mở Đầu**

Học thuyết giá trị (còn gọi là học thuyết giá trị lao động) là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác. Trong học thuyết này, C.Mác nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người, có liên quan đến vật và biểu hiện dưới hình thái quan hệ giữa vật với vật. Cơ sở kinh tế để

---

<sup>1</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.23, tr.54

<sup>2</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.26, tr.60

<sup>3</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.26, tr.72

xác lập quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ giữa vật với vật là lao động- cái thực thể, yếu tố cấu thành giá trị của hàng hóa. Đây càng chính là trọng tâm của học thuyết giá trị lao động. Sản xuất hàng hóa và các phạm trù lý luận của nó như giá trị, hàng hóa, tiền tệ v.v đã xuất hiện trước khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện và đó càng là điều kiện để phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển. Trên cơ sở lý luận nền tảng là học thuyết giá trị, C.Mác đã xây dựng lên học thuyết giá trị thặng dư- “hòn đá tảng” trong toàn bộ lý luận kinh tế của ông và càng là một trong ba phát minh vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác. Bởi vậy, khi nghiên cứu học thuyết giá trị của C.Mác, nghĩa là đang nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng mới chỉ ở dạng sơ khai và chung nhất.

## I. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA

### 1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá

Sản xuất hàng hoá là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó sản phẩm được sản xuất ra để bán, trao đổi trên thị trường. Sản xuất hàng hoá ra đời, tồn tại và phát triển dựa trên hai điều kiện sau đây

#### a. Phân công lao động xã hội

Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội thành các ngành, nghề khác nhau của nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, phân công lao động xã hội chỉ mới là điều kiện cần nhưng chưa đủ. C.Mác đó chứng minh rằng, trong công xã thị tộc Ấn Độ cổ đại, đó có sự phân công lao động xã hội khá chi tiết, nhưng sản xuất chưa trở thành hàng hoá. Bởi tư liệu sản xuất là của chung nên sản phẩm càng là của chung, công xã phân phối trực tiếp cho từng thành viên để thoả mãn nhu cầu. “Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những hàng hoá”<sup>4</sup>. Để sản xuất hàng hoá ra đời cần phải có thêm điều kiện nữa.

#### b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động

Chế độ tư hữu đó làm cho tư liệu sản xuất là của riêng mỗi người nên họ hoàn toàn có quyền quyết định quá trình sản xuất của mình; chế độ tư hữu tạo nên sự độc lập về kinh tế giữa những người sản xuất, chia cắt họ thành từng đơn vị riêng lẻ, trong quá trình sản xuất những người sản xuất có quyền quyết định về việc sản xuất loại hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, bằng cách nào và trao đổi với ai

Trên đây là hai điều kiện cần và đủ của sản xuất hàng hoá. Thiếu một trong hai điều kiện ấy thì không có sản xuất hàng hoá và sản phẩm lao động không mang hình thái hàng hoá

## 2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

### a. Sản xuất hàng hoá có những đặc trưng cơ bản

---

<sup>4</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.23, tr.72

- Sản xuất hàng hoá là sản xuất để trao đổi, mua-bán. Trong lịch sử loài người tồn tại hai kiểu tổ chức kinh tế khác nhau là sản xuất tự cung, tự cấp và sản xuất hàng hoá.

- Lao động của người sản xuất hàng hoá vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính xã hội. Lao động của người sản xuất hàng hoá mang tính chất xã hội vì sản phẩm làm ra để cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của người khác trong xã hội. Tính chất tư nhân đó có thể phù hợp hoặc không phù hợp với tính chất xã hội. Đó chính là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hoá. Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội là cơ sở, mầm mống của khủng hoảng trong nền kinh tế hàng hoá.

**b. Ưu thế của sản xuất hàng hoá.** So với sản xuất tự cung, tự cấp, sản xuất hàng hoá có những ưu thế hơn hẳn, thể hiện ở

- Sản xuất hàng hoá ra đời trên cơ sở của phân công lao động xã hội, chuyên môn hoá sản xuất.

- Trong nền sản xuất hàng hoá, quy mô sản xuất không còn bị giới hạn bởi nhu cầu và nguồn lực mang tính hạn hẹp của mỗi cá nhân, gia đình, ... mà nó được mở rộng dựa trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực của xã hội. Điều đó lại tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển

- Trong nền sản xuất hàng hoá, sự tác động của quy luật vốn có của sản xuất và trao đổi hàng hoá là quy luật giá trị, cung-cầu, cạnh tranh v.v buộc người sản xuất hàng hoá phải luôn luôn năng động, nhạy bén, biết tính toán, cải tiến kỹ thuật... làm cho chi phí sản xuất hạ xuống đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng cao hơn.

- Trong nền sản xuất hàng hoá, sự phát triển của sản xuất, sự mở rộng và giao lưu kinh tế giữa các cá nhân, giữa các vùng, giữa các nước v.v không chỉ làm cho đời sống vật chất mà cả đời sống văn hoá, tinh thần càng được nâng cao hơn, phong phú hơn, đa dạng hơn.

## II. HÀNG HÓA

### 1. Khái niệm hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

#### a. Khái niệm hàng hoá

Hàng hoá là sản phẩm của lao động, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua-bán. Hàng hoá là một phạm trù lịch sử.

Hàng hoá có thể ở dạng hữu hình như sắt, thép, tư liệu sản xuất, lương thực, thực phẩm v.v hoặc ở dạng vô hình như dịch vụ vận tải, dịch vụ chữa bệnh, dịch vụ văn hoá v.v.

#### b. Hai thuộc tính của hàng hoá

Trong mỗi hình thái kinh tế-xã hội, sản xuất hàng hoá có bản chất khác nhau nhưng hàng hoá đều có hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị

- *Giá trị sử dụng* của hàng hoá do công dụng của nó quy định. Công dụng đó nhằm thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người, có thể là nhu cầu cho tiêu dùng cá nhân như quần áo, giày dép, lương thực, thực phẩm v.v, cũng có thể là nhu cầu cho tiêu dùng sản xuất như máy móc, nguyên liệu, vật liệu phụ v.v.

Giá trị sử dụng nói ở đây với tư cách là thuộc tính của hàng hoá, nó không phải là giá trị sử dụng cho bản thân người sản xuất hàng hoá, mà là giá trị sử dụng cho người khác, cho xã hội thông qua trao đổi, mua-bán

Như vậy, trong bất kì một xã hội nào, của cải của xã hội- xét về mặt vật chất càng đều là một lượng nhất định những giá trị sử dụng.

- *Giá trị của hàng hoá*. Muốn hiểu được giá trị của hàng hoá phải nghiên cứu giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi là quan hệ tỷ lệ về lượng mà giá trị sử dụng này trao đổi với giá trị sử dụng khác.

Ví dụ, 1m vải = 10 kg thóc

Như vậy, giá trị của hàng hoá là lao động của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

### **c. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hoá**

Hai thuộc tính trên của hàng hoá quan hệ thống nhất và mâu thuẫn với nhau.

- *Mặt thống nhất* giữa hai thuộc tính của hàng hoá thể hiện ở chỗ cả hai thuộc tính này càng đồng thời tồn tại trong một hàng hoá; một vật phải có đầy đủ hai thuộc tính này mới là hàng hoá. Nếu thiếu một trong hai thuộc tính đó vật phẩm sẽ không phải là hàng hoá. Chẳng hạn, một vật có ích (tức giá trị sử dụng), nhưng không do lao động tạo ra (tức không có kết tinh lao động) như không khí tự nhiên thì sẽ không phải là hàng hoá.

- *Mặt mâu thuẫn* giữa hai thuộc tính của hàng hoá thể hiện ở chỗ a) với tư cách là giá trị sử dụng thì các hàng hoá không đồng nhất về chất.

Do đó nếu giá trị của hàng hoá không được thực hiện thì sẽ dẫn đến khủng hoảng sản xuất.

## **2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá**

Hai thuộc tính trên của hàng hoá do tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá quy định. C.Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá, đó là lao động cô thể và lao động trừu tượng.

**a. Lao động cô thể** là lao động có ích dưới một hình thức cô thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định.

Mỗi một lao động cô thể có mục đích, phương pháp, công cụ lao động, đối tượng lao động và kết quả lao động riêng.

Trong xã hội có nhiều loại hàng hoá với những giá trị sử dụng khác nhau là do có nhiều loại lao động cô thể khác nhau. Các lao động cô thể hợp thành hệ thống phân công lao động xã hội. Nếu phân công lao động xã hội càng phát triển thì càng có nhiều giá trị sử dụng khác nhau để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Lao động cô thể là một phạm trù vĩnh viễn trong một hình thái kinh tế-xã hội, những hình thức của lao động cô thể phụ thuộc vào sự phát triển của kỹ thuật, của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội.

**b. Lao động trừu tượng** là lao động của người sản xuất hàng hoá đó gạt bỏ hình thức biểu hiện cô thể của nó để quy về các chung đồng nhất, đó là sự tiêu phí sức lao động, tiêu hao sức cơ bắp, thần kinh của con người, “Nếu như không kể đến tính chất cô thể nhất định của hoạt động sản xuất, và do đó, đến tính có ích của lao động thì trong lao động ấy còn lại có một cái là sự tiêu phí sức lao động của con người”<sup>5</sup>. Nếu lao động cô thể tạo ra giá trị sử dụng thì lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hoá. Có thể nói, giá trị của hàng hoá là lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hoá, kết tinh trong hàng hoá. Đó càng là mặt chất của giá trị hàng hoá.

Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá phản ánh tính chất tư nhân và tính chất xã hội của lao động sản xuất hàng hoá.

Giữa lao động tư nhân và lao động xã hội có mâu thuẫn với nhau. Đó là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hoá giản đơn

Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội chứa đựng khả năng sản xuất “thừa” và là mầm mống của mọi mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản

### **3. Lượng giá trị hàng hoá và yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá**

#### **a. Thước đo lượng giá trị hàng hoá**

Giá trị của hàng hoá là do lao động xã hội, lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá; do vậy, lượng giá trị của hàng hoá được đo bằng lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hoá đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian lao động cần để sản xuất ra một hàng hoá nào đó trong những điều kiện sản xuất bình thường của xã hội

Thời gian lao động xã hội cần thiết là một đại lượng không cố định, do đó lượng giá trị hàng hoá càng không cố định. Khi thời gian lao động xã hội cần thiết thay đổi thì lượng giá trị của hàng hoá càng thay đổi.

---

<sup>5</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.23, tr.72



Như vậy chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá, mới quy định đại lượng giá trị của hàng hoá ấy.

**b. Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá**

Do thời gian lao động xã hội cần thiết luôn thay đổi, nên lượng giá trị của hàng hoá càng là một đại lượng không cố định. Sự thay đổi này tùy thuộc vào năng suất lao động và mức độ phức tạp hay đơn giản của lao động

- *Năng suất lao động* là sức sản xuất của lao động. Nó được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

- *Cường độ lao động* nói lên mức độ lao động khẩn trương, nặng nhọc của người lao động trong cùng một thời gian lao động nhất định. Tăng cường độ lao động thực chất càng như kéo dài thời gian lao động cho nên hao phí lao động trong một đơn vị sản phẩm không đổi.

Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động giống nhau ở chỗ chúng đều dẫn đến lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên. Nhưng chúng khác nhau ở chỗ tăng năng suất lao động làm cho lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, nhưng làm cho giá trị của một đơn vị hàng hoá giảm xuống..

- *Lao động giản đơn* và *lao động phức tạp*. Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường không cần phải trải qua đào tạo càng có thể thực hiện được. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện mới có thể tiến hành được

**III. TIỀN TỆ**

**1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ**

**a. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị**

Hàng hoá là sự thống nhất giữa hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá. Về mặt giá trị sử dụng, tức hình thái tự nhiên của hàng hoá, ta có thể nhận biết trực tiếp được bằng các giác quan. Nhưng về mặt giá trị, tức hình thái xã hội của hàng hoá không thể cảm nhận trực tiếp được mà chỉ bộc lộ ra trong quá trình trao đổi, thông qua các hình thái biểu hiện của nó. Lịch sử ra đời của tiền tệ chính là lịch sử phát triển các hình thái giá trị từ thấp đến cao, từ hình thái giản đơn đến hình thái đầy đủ nhất là tiền tệ

- *Hình thái giản đơn hay ngẫu nhiên của giá trị* là hình thái phụ của giá trị, nó xuất hiện trong giai đoạn đầu của trao đổi hàng hoá, trao đổi mang tính chất ngẫu nhiên, người ta trao đổi trực tiếp vật này lấy vật khác. Ví dụ, 1m vải = 10 kg thóc.



2 con gà

v.v

Lúc đầu có nhiều kim loại đóng vai trò tiền tệ, nhưng về sau được cố định lại ở kim loại quý là vàng, bạc, và cuối cùng là vàng. Tiền tệ xuất hiện là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hoá, khi tiền tệ ra đời thì thế giới hàng hoá được phân thành hai cực, một bên là các hàng hoá thông thường; một bên là hàng hoá (vàng) đóng vai trò tiền tệ. Đến đây giá trị các hàng hoá đó có một phương tiện biểu hiện thống nhất. Tỷ lệ trao đổi được cố định lại.

### **b. Bản chất của tiền tệ**

Vậy tiền tệ là một hàng hoá đặc biệt được tách ra từ trong thế giới hàng hoá làm vật ngang giá chung cho tất cả hàng hoá đem trao đổi

## **2. Các chức năng của tiền tệ**

Bản chất của tiền tệ thể hiện qua các chức năng (5 chức năng, C.Mác)

### **a. Tiền tệ dùng để làm thước đo giá trị**

Tiền tệ dùng để biểu hiện và đo lường giá trị của hàng hoá. Muốn làm được điều này thì bản thân tiền tệ phải có giá trị.

Để làm chức năng thước đo giá trị thì bản thân tiền tệ càng phải được đo lường; xuất hiện đơn vị đo lường tiền tệ- đó là một trọng lượng nhất định của kim loại dùng làm tiền tệ với những tên gọi khác nhau ở mỗi nước. Đơn vị tiền tệ và các phần chia nhỏ của nó là tiêu chuẩn giá cả (ví dụ 1\$ Mỹ tương đương với 0,736662gr vàng; 1Fr Pháp tương đương với 0,160000gr vàng v.v)

**b. Tiền tệ dùng để làm phương tiện lưu thông.** Với chức năng làm phương tiện lưu thông, tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hoá. Để làm chức năng lưu thông hàng hoá ta phải có tiền mặt. Trao đổi hàng hoá lấy tiền làm môi giới gọi là lưu thông hàng hoá. Công thức lưu thông hàng hoá  $H - T - H$ , tiền làm môi giới trong trao đổi hàng hoá đó làm cho hành vi bán và hành vi mua có thể tách rời nhau cả về thời gian và không gian. Sự không nhất trí giữa mua và bán chứa đựng mầm mống của khủng hoảng kinh tế.

Như vậy, giá trị thực của tiền tách rời giá trị danh nghĩa của nó bởi vì tiền làm phương tiện lưu thông chỉ đóng vai trò chốc lát.

**c. Tiền tệ dùng để làm phương tiện cất trữ,** tức là tiền được rút khỏi lưu thông đưa vào cất trữ. Sở dĩ tiền làm được chức năng này là vì tiền thể hiện cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị, nên cất trữ tiền là cất trữ của cải. Để làm chức năng phương tiện cất trữ, tiền phải có giá trị, tức là tiền vàng. Chức năng cất trữ làm cho tiền trong lưu thông thích ứng tự phát với nhu cầu tiền cần thiết cho lưu thông.

**d. Tiền tệ dùng để làm phương tiện thanh toán** tiền được dùng để trả nợ, nộp thuế, trả tiền mua hàng v.v. Khi sản xuất và trao đổi hàng hoá phát triển đến trình độ nào đó tất yếu nảy sinh việc mua bán chịu. Trong hình thức giao dịch này trước tiên làm chức năng thước đo giá trị để định giá cả hàng hoá. Nhưng vì là mua bán chịu nên đến kỳ hạn tiền mới được đưa vào lưu thông để làm phương tiện thanh toán.

**d. Tiền tệ dùng để làm tiền tệ thế giới.** Khi trao đổi hàng hoá vượt khỏi biên giới quốc gia thì tiền làm chức năng tiền tệ thế giới. Tiền thế giới càng thực hiện các chức năng thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán.

Trong giai đoạn đầu sự hình thành quan hệ kinh tế quốc tế, đồng tiền đóng vai trò là tiền thế giới phải là tiền thật (vàng, bạc). Nền kinh tế của một nước càng phát triển, đặc biệt trong quan hệ kinh tế đối ngoại khả năng chuyển đổi của đồng tiền quốc gia đó càng cao. Việc chuyển đổi tiền của nước này ra tiền của nước khác được tiến hành theo tỷ giá hối đoái. Đó là giá trị một đồng tiền của nước này được tính bằng đồng tiền của nước khác.

Năm chức năng của tiền trong nền kinh tế hàng hoá quan hệ mật thiết với nhau. Sự phát triển các chức năng của tiền phản ánh sự phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hoá.

#### IV. QUY LUẬT GIÁ TRỊ

##### 1. Nội dung của quy luật giá trị

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hoá, nó quy định việc sản xuất và trao đổi hàng hoá phải căn cứ vào hao phí lao động xã hội cần thiết

Trong sản xuất, tác động của quy luật giá trị buộc người sản xuất phải làm sao cho mức hao phí lao động cá biệt của mình phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần thiết có như vậy họ mới có thể tồn tại được; còn trong trao đổi, hay lưu thông, phải thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, tức giá cả bằng giá trị.

Quy luật giá trị buộc những người sản xuất và trao đổi hàng hoá phải tuân theo “*mệnh lệnh*” của giá cả thị trường. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường sẽ thấy được sự hoạt động của quy luật giá trị. Giá cả thị trường lên xuống tự phát xoay quanh giá trị hàng hoá và biểu hiện sự tác động của quy luật giá trị trong điều kiện sản xuất và trao đổi hàng hoá.

##### 2. Tác động của quy luật giá trị

Trong nền sản xuất hàng hoá, quy luật giá trị có ba tác động

###### a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá

- *Điều tiết sản xuất* tức là điều hoà, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tác dụng này của quy luật giá trị thông qua sự biến động của giá cả hàng hoá trên thị trường dưới tác động của quy luật cung cầu. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động được

chuyển dịch vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt quá cầu, giá cả hàng hoá giảm xuống, hàng hoá bán không chạy và có thể lỗ vốn. Tình hình ấy buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hoá cao.

- *Điều tiết lưu thông* hàng hoá của quy luật giá trị càng thông qua giá cả thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường càng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, do đó làm cho lưu thông hàng hoá thông suốt.

Như vậy, sự biến động của giá cả thị trường không những chỉ rõ sự biến động về kinh tế, mà còn có tác động điều tiết nền kinh tế hàng hoá.

### **b. Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tăng năng suất lao động**

Các hàng hoá được sản xuất ra trong những điều kiện khác nhau, do đó có mức hao phí lao động cá biệt khác nhau, nhưng trên thị trường thì các hàng hoá đều phải được trao đổi theo mức hao phí lao động xã hội cần thiết. Vậy người sản xuất hàng hoá nào mà có mức hao phí lao động thấp hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, thì sẽ thu được nhiều lời và càng thấp hơn càng lời.

### **c. Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người lao động thành kẻ giàu người nghèo**

Những người sản xuất hàng hoá nào có mức hao phí lao động cá biệt thấp hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, khi bán hàng hoá theo mức hao phí lao động xã hội cần thiết (theo giá trị) sẽ thu được nhiều lời, giàu lên, có thể mua sắm thêm tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh, thậm chí thuê lao động và trở thành ông chủ. Ngược lại, những người sản xuất hàng hoá nào có mức hao phí lao động cá biệt lớn hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, khi bán hàng hoá sẽ rơi vào tình trạng thua lỗ, nghèo đi, thậm chí có thể phá sản, trở thành lao động làm thuê. Đây càng chính là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cơ sở ra đời của chủ nghĩa tư bản.

*Như vậy, quy luật giá trị vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực.* Do đó, đồng thời với việc thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển, nhà nước cần có những biện pháp để phát huy tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của nó, đặc biệt trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá?
2. Phân tích hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá. ý nghĩa của vấn đề này đối với nước ta hiện nay?

3. Phân tích tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá và ý nghĩa của việc phát hiện này đối với việc xây dựng lý luận giá trị lao động?
4. Phân tích mối quan hệ giữa 2 thuộc tính của hàng hoá với tính chất 2 mặt của lao động sản xuất hàng hoá?
5. Phân tích lượng giá trị của hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá?
6. Phân tích nguồn gốc và bản chất của tiền tệ?
7. Phân tích các chức năng của tiền tệ?
8. Phân tích nội dung và tác dụng của quy luật giá trị. ý nghĩa của vấn đề này đối với nước ta hiện nay?

**CHƯƠNG 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**

**Mục đích yêu cầu:**

**1. Về kiến thức**

- Phân tích công thức chung của tư bản và chỉ ra mâu thuẫn của công thức chung
- Phân biệt hàng hóa sức lao động với các hàng hóa khác và chỉ ra bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản
- Hiểu bản chất của quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư và quá trình tích tụ tập trung tư bản
- Phân tích các hình thái biểu hiện của tư bản và của giá trị thặng dư
- Thấy được sự phát triển tất yếu của các tập đoàn tài chính và các tổ chức độc quyền trên thế giới hiện nay.

**2. Về thái độ**

- Có thái độ đúng về quá trình sử dụng sức lao động tham gia vào quá trình lao động có ý nghĩa kinh tế xã hội rất quan trọng.
- Thấy được quá trình sản xuất giá trị thặng dư và các phương thức sản xuất giá trị thặng dư để có thái độ nhận định đúng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Phân tích các hình thức biến tướng của giá trị thặng dư nhằm vạch ra được bản chất che giấu của Chủ nghĩa tư bản.

**Mở Đầu**

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự phát triển cao của sản xuất hàng hóa không chỉ về lượng, mà còn về chất so với các phương thức sản xuất trước đó; ngoài lượng hàng hóa khổng lồ mà nó tạo ra, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn làm xuất hiện loại hàng hóa mới- đó là hàng hóa sức lao động. Và khi sức lao động trở thành hàng hóa thì tiền tệ mang hình thái tư bản và gắn liền với đó là sự xuất hiện quan hệ giữa nhà tư bản và người công nhân làm thuê. Bản chất mối quan hệ này thể hiện ở chỗ nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư do người công nhân làm thuê tạo ra. Giá trị thặng dư là nguồn gốc hình thành thu nhập của nhà tư bản và tập đoàn trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trọng tâm học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác- một trong những phát minh vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác- xoay quanh vấn đề “hòn đá tảng” này trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

**I. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN**

**1. Công thức chung của tư bản**

Tiền là vật phẩm cuối cùng trong lưu thông hàng hoá, đồng thời cũng là hình thức biểu hiện đầu tiên của tư bản. Lúc đầu, mọi tư bản đều biểu hiện dưới hình thức một số tiền nhất định; tuy

nhiên bản thân tiền không phải là tư bản, mà chỉ trở thành tư bản khi được sử dụng để bóc lột sức lao động của người khác.

Sự vận động của tiền thông thường (tiền trong lưu thông hàng hóa giản đơn H-T-H và tiền là tư bản (tiền trong lưu thông tư bản T-H-T' (tiền-hàng-tiền)). Giữa hai hình thức vận động trên của tiền có sự giống nhau về hình thức vì trong chúng đều có sự đối lập giữa mua và bán; tiền và hàng; người mua và người bán có sự khác nhau về chất. Nếu trong lưu thông hàng hóa giản đơn bắt đầu bằng việc bán (H-T) rồi kết thúc ở việc mua (T-H) tạo ra vai trò trung gian của tiền (bởi trong lưu thông này, mục đích cuối cùng của lưu thông là giá trị sử dụng của hàng hóa); thì trong lưu thông hàng hóa tư bản bắt đầu từ việc mua (T-H) rồi kết thúc ở việc bán (H-T) tạo ra vai trò trung gian của hàng (bởi trong lưu thông này, mục đích cuối cùng là giá trị, là giá trị lớn hơn giá trị khi mua vào để bán).

Tiền trong lưu thông tư bản vận động theo công thức T-H-T', trong đó  $T' = T + \Delta t$  ( $\Delta t$  là số tiền trội hơn T, được gọi là giá trị thặng dư và kí hiệu là m). Số tiền ứng ra ban đầu với mục đích thu được giá trị thặng dư trở thành tư bản. Như vậy, tiền chỉ biến thành tư bản khi được dùng để mang lại giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Công thức T-H-T' với  $T' = T + m$  được coi là công thức chung của tư bản. Mọi tư bản đều vận động theo công thức (quy luật) này, với mục đích cuối cùng là đem lại giá trị thặng dư.

Như vậy, tư bản là tiền tự lớn lên hay giá trị sinh ra giá trị thặng dư hay nói cách khác, tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư, mục đích lưu thông tư bản là sự lớn lên của giá trị, là giá trị thặng dư nên sự vận động của tư bản là không có giới hạn do sự lớn lên của giá trị là không có giới hạn.

## **2. Mâu thuẫn của công thức chung**

Bản chất của công thức chung của tư bản T-H-T' là giá trị sinh ra giá trị thặng dư; nhưng giá trị thặng dư (m) do đâu mà có, liệu lưu thông hàng hoá có làm cho tiền sinh ra và kéo theo việc hình thành giá trị thặng dư (m)?

- Xét các trường hợp: Trong lưu thông có sinh ra giá trị thặng dư (m) không?

a) Trong trường hợp trao đổi ngang giá, chỉ có sự thay đổi hình thái của giá trị, từ tiền thành hàng hoặc từ hàng thành tiền, tổng giá trị trong tay mỗi người tham gia trao đổi trước sau vẫn không thay đổi.

b) Trong trường hợp trao đổi không ngang giá, hàng hoá có thể bán cao hơn hoặc thấp hơn giá trị. Nhưng, trong nền kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất đều vừa là người bán, vừa là người mua. Cái lợi mà họ thu được khi bán sẽ bù cho cái thiệt khi mua và ngược lại. Cho dù có người



chuyên mua rẻ, bán đắt thì tổng giá trị toàn xã hội càng không hề tăng lên, bởi vì số giá trị mà người này thu được chẳng qua càng chỉ là sự ăn chặn số giá trị của người khác mà thôi.

**Như vậy, lưu thông và bản thân tiền tệ trong lưu thông không hề tạo ra giá trị.**

- Xét trường hợp ngoài lưu thông có sinh ra giá trị thặng dư (m) không? Câu trả lời là không, bởi khi người có tiền trong tay không tiếp xúc với lưu thông, đứng ngoài lưu thông thì không thể làm cho số tiền của mình lớn lên được. “Đây là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và càng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”<sup>6</sup>. Đó là mâu thuẫn của công thức chung của tư bản, C.Mác là người đầu tiên phân tích và giải quyết mâu thuẫn đó bằng lý luận về hàng hoá sức lao động.

### **3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản**

#### **a. Hàng hoá sức lao động**

- Sức lao động và điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản đòi hỏi sự hiện diện của một loại hàng hoá đặc biệt mà việc sử dụng nó có thể tạo ra được giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó. Hàng hoá đó là sức lao động.

**Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong con người và được người đó sử dụng vào sản xuất.** Sức lao động là cái có trước, là yếu tố tiềm năng, còn lao động là quá trình sử dụng sức lao động.

Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá.

a) Người lao động phải được tự do về thân thể, có quyền sở hữu sức lao động của mình và chỉ bán sức lao động ấy trong một thời gian nhất định.

b) Người lao động không có tư liệu sản xuất cần thiết để tự mình đứng ra tổ chức sản xuất nên muốn sống chỉ còn cách bán sức lao động cho người khác sử dụng.

Việc sức lao động trở thành hàng hoá đánh dấu một bước ngoặt trong phương thức kết hợp người lao động với tư liệu sản xuất

- Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động. Giống như mọi hàng hoá khác, hàng hoá sức lao động có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng.

**Giá trị** của hàng hoá sức lao động càng do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó quyết định. Giá trị hàng hoá sức lao động khác với hàng hoá thông thường ở chỗ nó bao hàm cả yếu tố tinh thần và yếu tố lịch sử

**Giá trị sử dụng** của hàng hoá sức lao động thể hiện ở quá trình tiêu dùng (sử dụng) sức lao động, tức là quá trình lao động để sản xuất ra một hàng hoá, một dịch vụ nào đó. Trong quá trình lao

---

<sup>6</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.23, tr.249

động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó; phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động gọi là giá trị thặng dư.

Đó chính là đặc điểm riêng của giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động và đặc điểm này sẽ giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản.

**b. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản**

- *Bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản.* Tiền công biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá sức lao động, là giá cả của hàng hoá sức lao động. Tuy nhiên, trong chủ nghĩa tư bản, để có sự lăm tưởng tiền công là giá cả của lao động bởi nhà tư bản trả tiền công cho công nhân sau khi công nhân đó lao động để sản xuất ra hàng hoá và bởi tiền công được trả theo thời gian lao động (ngày, giờ, tuần, tháng), hoặc theo số lượng hàng hoá đó sản xuất được. Nhưng thực chất, cái mà nhà tư bản mua của công nhân không phải là lao động mà là sức lao động.

**Vậy, tiền công không phải là giá trị của lao động mà chỉ là giá trị hay giá cả của hàng hoá sức lao động.**

Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản.

a) Tiền công tính theo thời gian là hình thức tiền công tính theo thời gian lao động của công nhân

b) Tiền công tính theo sản phẩm là hình thức tiền công tính theo số lượng sản phẩm đó làm ra hoặc số lượng sản phẩm đó hoàn thành trong một thời gian nhất định.

Tiền công tính theo sản phẩm, một mặt giúp cho nhà tư bản trong việc quản lý, giám sát quá trình lao động của công nhân dễ dàng hơn; mặt khác, kích thích công nhân lao động tích cực để tạo ra nhiều sản phẩm để thu được lượng tiền công cao hơn.

- *Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế.*

a) Tiền công danh nghĩa là số tiền mà người công nhân nhận được do bán sức lao động của mình cho nhà tư bản.

b) Tiền công thực tế là tiền công được biểu hiện bằng số lượng hàng hoá tư liệu tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân mua được bằng tiền công danh nghĩa của mình.

Tiền công danh nghĩa là giá cả hàng hoá sức lao động, nó có thể tăng lên hay giảm đi tùy theo sự biến động trong quan hệ cung-cầu về hàng hoá sức lao động trên thị trường.

Vì vậy, nếu giá trị của đồng tiền không thay đổi thì tiền công thực tế tỉ lệ thuận với tiền công danh nghĩa và tỉ lệ nghịch với giá cả hàng hoá trên thị trường.

**II. QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA**

**1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư**

**a. Quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng**

Mục đích của sản xuất hàng hoá trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là sản xuất giá trị thặng dư. Nhưng để sản xuất giá trị thặng dư, trước hết nhà tư bản phải tổ chức sản xuất ra những hàng hoá có giá trị sử dụng, vì giá trị sử dụng là nội dung vật chất của hàng hoá, là vật mang giá trị và giá trị thặng dư. Đây cũng là quá trình nhà tư bản tiêu dùng hàng hoá sức lao động và tư liệu sản xuất để sản xuất giá trị thặng dư

Trong quá trình sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa, bằng lao động cô thể của mình, công nhân sử dụng những tư liệu sản xuất và chuyển giá trị của chúng vào hàng hoá; và bằng trừu tượng, công nhân tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động, phần lớn hơn đó là giá trị thặng dư.

**b. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư**

Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự kết hợp giữa tư liệu sản xuất với sức lao động. Để có các yếu tố sản xuất, nhà tư bản phải bỏ tiền ra mua

*Tư liệu sản xuất theo giá cả thị trường.*

*Sức lao động trên thị trường theo thoả thuận.*

Giả định, để chế tạo ra 1kg sợi, nhà tư bản kinh doanh sợi ứng ra 56 ngàn đơn vị tiền tệ để mua 2kg bông, chi 6 ngàn đơn vị cho hao phí máy móc và chi 5 ngàn đơn vị mua sức lao động của công nhân điều khiển máy móc trong 10 giờ.

Phân tích. Trong quá trình sản xuất, người công nhân sử dụng máy móc để chuyển 1kg bông thành 1kg sợi, theo đó giá trị của bông và hao mòn máy móc càng được chuyển vào sợi. Giả định chỉ trong 5 giờ đầu công nhân đó kéo xong 1kg bông thành 1kg sợi, thì giá 1kg sợi được tính theo các khoản như sau

Giá trị 1kg bông chuyển vào	=	20 000 đơn vị
Hao mòn máy móc	=	3 000 đơn vị
Giá trị mới tạo ra trong 5 giờ lao động	=	5 000 đơn vị
Tổng cộng	=	28 000 đơn vị

Nếu quá trình lao động ngừng ở đây thì nhà tư bản chưa có giá trị thặng dư. Thời gian lao động (5 giờ) mà người công nhân tạo ra một lượng giá trị ngang với giá trị sức lao động của mình gọi là thời gian lao động tất yếu và lao động trong khoảng thời gian ấy gọi là lao động tất yếu.

Nhưng nhà tư bản đó mua sức lao động trong 10 giờ. Trong 5 giờ lao động tiếp theo, nhà tư bản chỉ thêm 20 ngàn đơn vị để mua 1kg bông và 3 ngàn đơn vị hao mòn máy móc và với 5 giờ lao

động này, người công nhân vẫn tạo ra 5 ngàn đơn vị giá trị mới và có thêm 1kg sợi với giá 28 ngàn đơn vị. Tổng số tiền nhà tư bản chi ra để có được 2kg sợi sẽ là

Tiền mua bông (20 000 x 2) = 40 000 đơn vị

Hao mòn máy móc (máy chạy 10 giờ) = 6 000 đơn vị

Tiền lương công nhân sản xuất trong 10 giờ = 5 000 đơn vị

Tổng cộng = 51 000 đơn vị

Tổng giá trị của 2kg sợi là  $2\text{kg} \times 28\ 000 = 56\ 000$  đơn vị và như vậy, lượng giá trị thặng dư thu được là  $56\ 000 - 51\ 000 = 5\ 000$  đơn vị. Thời gian lao động (5 giờ sau) để tạo ra giá trị thặng dư gọi là thời gian lao động thặng dư.

Như vậy, giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dụi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không. Việc nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư do quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra gọi là bóc lột giá trị thặng dư.

## **2. Bản chất của tư bản; sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến**

### **a. Bản chất của tư bản**

Các nhà kinh tế học tư sản cho rằng, công cụ lao động, tư liệu sản xuất đều là tư bản; thực ra công cụ lao động, tư liệu sản xuất là những yếu tố cơ bản của sản xuất vật chất trong bất kỳ phương thức sản xuất nào

Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động không công của người lao động làm thuê. Bản chất của tư bản thể hiện ở chỗ giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sản xuất ra.

### **b. Tư bản bất biến, tư bản khả biến**

Để tiến hành sản xuất, nhà tư bản ứng tiền ra để mua tư liệu sản xuất và sức lao động, nghĩa là tạo ra các yếu tố của quá trình sản xuất. Các yếu tố này có vai trò khác nhau trong việc tạo ra giá trị thặng dư.

- *Khái niệm tư bản bất biến và vai trò của tư bản bất biến.*

Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thức tư liệu sản xuất gọi là tư bản bất biến (c).

Tư bản bất biến tuy không là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư nhưng nó có vai trò là điều kiện không thể thiếu để sản xuất ra giá trị thặng dư.

- *Khái niệm tư bản khả biến và vai trò của tư bản khả biến.*

a) Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thức sức lao động trong quá trình sản xuất đó có sự thay đổi về lượng. ký hiệu là (v)

b) Tư bản khả biến chỉ rõ nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư là lao động của công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt.

Nếu ký hiệu giá trị hàng hoá là  $G$ , thì  $G = c+v+m$ ; trong đó  $c$  là tư bản bất biến,  $v$  là tư bản khả biến,  $m$  là giá trị thặng dư. Trong công thức này,  $c$  là điều kiện không thể thiếu để sản xuất ra giá trị thặng dư, còn  $v$  có vai trò quyết định trong quá trình đó, vì nó chính là bộ phận tư bản tự lớn lên.

### **3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư**

#### **a. Tỷ suất giá trị thặng dư**

Tỷ suất giá trị thặng dư ( $m'$ ) là tỷ lệ % giữa số lượng giá trị thặng dư ( $m$ ) với tư bản khả biến ( $v$ ). Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư  $m' = \frac{m}{v} \cdot 100\%$  và  $m' = \frac{t'}{t} \cdot 100\%$ ; Trong đó,  $t$  là thời gian lao động tất yếu,  $t'$  là thời gian lao động thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê.

#### **b. Khối lượng giá trị thặng dư**

Khối lượng giá trị thặng dư ( $M$ ) là số lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được trong một thời gian sản xuất nhất định. Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư  $M = m' \cdot V$  hoặc

$$M = \frac{m}{v} V$$

Lưu ý, công thức này chỉ đúng khi  $v$  trong  $\frac{m}{v}$  là một lượng xác định, nghĩa là tiền công không đổi, khi đó  $V$  đại biểu cho số lượng công nhân nhất định được sử dụng.

Như vậy, đó chứng minh được khối lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được như thế nào?

### **4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch**

Mục đích của các nhà tư bản là thu được giá trị thặng dư tối đa; do vậy họ dùng nhiều phương pháp để tăng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư. Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối là hai phương pháp phổ biến nhất.

#### **a. Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối**

*Giá trị thặng dư tuyệt đối* là giá trị thặng dư thu được do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Ví dụ, ngày lao động là 8 giờ, thời gian lao động tất yếu là 4 giờ, thời gian lao động thặng dư là 4 giờ, mỗi giờ công nhân tạo ra một giá trị mới là 10 đơn vị, thì giá trị thặng dư tuyệt đối là

40 và tỷ suất giá trị thặng dư là  $m' = \frac{40}{40} 100\% = 100\%$ . Nếu kéo dài lao động thêm 2 giờ nữa, mọi

điều kiện khác vẫn như cò, thì giá trị thặng dư tuyệt đối tăng lên 60 và m' càng tăng lên thành m' =

$$\frac{60}{40}100\% = 150\% .$$

Vì vậy, kéo dài thời gian lao động và tăng cường độ lao động là để sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối.

### **b. Sản xuất giá trị thặng dư tương đối**

Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động trong ngành sản xuất ra tư liệu sinh hoạt để hạ thấp giá trị sức lao động, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động, cường độ lao động vẫn như cò.

Ví dụ, ngày lao động là 10 giờ, trong đó 5 giờ là lao động tất yếu, 5 giờ là lao động thặng dư. Nếu giá trị sức lao động giảm đi 1 giờ thì thời gian lao động tất yếu xuống còn 4 giờ. Do đó, thời gian lao động thặng dư tăng từ 5 giờ lên 6 giờ và m' tăng từ 100% lên 150 %.

### **c. Sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch**

Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá trị thặng dư thu được do áp dụng công nghệ mới sớm hơn các nhà máy khác làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó. Như thế nhà tư bản chỉ phải bỏ ra ít chi phí hơn các nhà tư bản khác mà vẫn bán được với giá như các nhà tư bản khác, từ đó thu được giá trị thặng dư cao hơn. Khi số đông các nhà máy đều đổi mới kỹ thuật và công nghệ một cách phổ biến thì giá trị thặng dư siêu ngạch của doanh nghiệp đó sẽ không còn nữa.

C.Mác gọi giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối.

## **5. Sản xuất giá trị thặng dư- quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản**

Nếu quy luật cơ bản của sản xuất hàng hoá là quy luật giá trị thì quy luật kinh tế cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là quy luật giá trị thặng dư.

### **a. Thế nào là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản?**

Quy luật giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản bởi nó quy định bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chi phối mọi mặt đời sống kinh tế của xã hội tư bản. Không có sản xuất giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản.

### **b. Nội dung quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản**

Nội dung của quy luật này là sản xuất nhiều và ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư cho nhà tư bản bằng cách tăng cường các phương tiện kỹ thuật và quản lý để bóc lột ngày càng nhiều lao động làm thuê.

**c. Sản xuất giá trị thặng dư- quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản**

Sản xuất nhiều và ngày càng nhiều giá trị thặng dư là mục đích, là động lực thường xuyên của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là yếu tố đảm bảo sự tồn tại, thúc đẩy sự vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản

Quy luật giá trị thặng dư là nguồn gốc của mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản- đó là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.

Quy luật giá trị thặng dư đứng đằng sau cạnh tranh tư bản chủ nghĩa.

Để sản xuất ngày càng nhiều giá trị thặng dư, các nhà tư bản ra sức áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến sản xuất; do đó lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, nền sản xuất có tính chất xã hội hoá ngày càng cao, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt.

Tất cả những yếu tố trên đưa xã hội tư bản đến chỗ phủ định chính mình, dẫn đến sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản.

**III. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN- TÍCH LŨY TƯ BẢN**

**1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản**

Để có thể hiểu được thực chất của tích lũy tư bản cần phải phân tích quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tái sản xuất nói chung được hiểu là quá trình sản xuất được lặp đi, lặp lại và tiếp diễn liên tục; sản xuất, hiểu theo nghĩa rộng càng có nghĩa là tái sản xuất, có hai loại tái sản xuất là tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

**a. Giá trị thặng dư- nguồn gốc của tích lũy tư bản**

Tái sản xuất là tất yếu khách quan của xã hội loài người. Tái sản xuất có hai hình thức chủ yếu là tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng. Muốn tái sản xuất mở rộng, nhà tư bản phải sử dụng một phần giá trị thặng dư để tăng thêm tư bản ứng trước.

Việc sử dụng giá trị thặng dư hay sự chuyển hoá một phần giá trị thặng dư trở lại thành tư bản gọi là tích lũy tư bản.

Như vậy, nguồn gốc của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư- là lao động của công nhân bị nhà tư bản chiếm đoạt. Nói cách khác, toàn bộ của cải của giai cấp tư sản đều do lao động của giai cấp công nhân tạo ra.

**b. Những yếu tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản**

Với khối lượng giá trị thặng dư nhất định thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giữa tích lũy và tiêu dùng. Nếu tỷ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng đó được xác định, thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư. *Có bốn yếu tố ảnh hưởng đến khối lượng giá trị thặng dư*

## **Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng – Khoa Lý Luận Chính Trị**

a) Trình độ bóc lột giá trị thặng dư ( $m'$ ). Thông thường, muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư, nhà tư bản phải tăng thêm máy móc, thiết bị và công nhân.

b) Năng suất lao động. Năng suất lao động xã hội tăng lên thì giá cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng giảm. Sự tiến bộ của khoa học và công nghệ đó tạo ra nhiều yếu tố phụ thêm cho tích lũy nhờ việc sử dụng vật liệu mới và tạo ra công cụ mới của vật liệu hiện có như những phế thải trong tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân- những vật vốn không có giá trị

c) Chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng.

Kỹ thuật càng hiện đại, sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng càng lớn thì sự phục vụ vô công của tư liệu lao động ngày càng lớn. Xem bảng minh họa sau

Thế hệ máy	Giá trị máy (triệu USD)	Năng lực sản phẩm (triệu chiếc)	Khấu hao trong một sản phẩm (USD)	Chênh lệch tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng (USD)	Khả năng tích lũy so với thế hệ máy 1
I	10	1	10	9.999.990	
II	14	2	7	13.999.993	2tr SP x (10 - 7) = 6tr USD
III	18	3	6	17.999.994	3tr SP x (10 - 6) = 12tr USD

d) Đại lượng tư bản ứng trước. Trong công thức  $M = m'.V$ , nếu  $m'$  không thay đổi thì khối lượng giá trị thặng dư chỉ có thể tăng khi tổng tư bản khả biến tăng. Và, tất nhiên tư bản bất biến càng phải tăng lên theo quan hệ tỷ lệ nhất định. Do đó, muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư phải tăng quy mô tư bản ứng trước. Đại lượng tư bản ứng trước càng lớn thì quy mô sản xuất càng được mở rộng theo chiều rộng và chiều sâu.

### **2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản**

Trong quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, quy mô của tư bản cá biệt tăng lên thông qua quá trình tích tụ và tập trung tư bản. Tích tụ và tập trung tư bản là quy luật phát triển của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

#### **a. Tích tụ tư bản**

Tích tụ tư bản là việc tăng quy mô tư bản cá biệt bằng tích lũy của nhà tư bản riêng rẽ, nó là kết quả tất nhiên của tích lũy.

#### **b. Tập trung tư bản**



Tập trung tư bản là sự hợp nhất một số tư bản nhỏ thành một tư bản cá biệt lớn. Đây là sự tích tụ những tư bản đó hình thành, là sự thủ tiêu tính độc lập riêng biệt của chúng, là việc nhà tư bản này tước đoạt nhà tư bản khác, là việc biến nhiều tư bản nhỏ thành một số ít tư bản lớn. Tín dụng tư bản chủ nghĩa là một phương tiện để tập trung những khoản tiền tạm thời nhàn rỗi trong xã hội vào tay nhà tư bản.

Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở chỗ đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt, nhưng khác nhau ở chỗ nguồn tích tụ tư bản là giá trị thặng dư tư bản hoá, còn nguồn tập trung là các tư bản đó hình thành trong xã hội.

Tập trung tư bản có vai trò rất lớn đối với sự phát triển sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhờ có tập trung tư bản mà có thể tổ chức được một cách rộng lớn lao động hợp tác, biến quá trình sản xuất rời rạc, thủ công thành quá trình sản xuất phối hợp theo quy mô lớn và được xếp đặt một cách khoa học, xây dựng được những công trình công nghiệp lớn, sử dụng được KT và CN hiện đại.

Quá trình tích tụ và tập trung tư bản ngày càng tăng, do đó, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa càng ngày càng trở thành nền sản xuất xã hội hoá cao độ, làm cho mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc thêm.

### **3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản**

Sản xuất bao giờ cũng là sự kết hợp hai yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động. Sự kết hợp của chúng dưới hình thái hiện vật gọi là cấu tạo kỹ thuật.

- *Cấu tạo kỹ thuật của tư bản* là tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu sản xuất với số lượng lao động cần thiết để sử dụng các tư liệu sản xuất đó.

- *Cấu tạo giá trị của tư bản* là tỉ lệ theo đó, tư bản phân thành tư bản bất biến (hay giá trị của tư liệu sản xuất) và tư bản khả biến (hay giá trị của sức lao động) cần thiết để tiến hành sản xuất. Cấu tạo kỹ thuật thay đổi sẽ làm cho cấu tạo giá trị thay đổi.

C. Mác dùng phạm trù cấu tạo để phản ánh mối quan hệ đó

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, do tác động thường xuyên của tiến bộ khoa học và công nghệ, cấu tạo hữu cơ của tư bản càng không ngừng biến đổi theo hướng ngày càng tăng lên. Sự tăng lên của cấu tạo hữu cơ của tư bản làm cho khối lượng tư liệu sản xuất tăng lên, trong đó sự tăng lên của máy móc, thiết bị là điều kiện để tăng năng suất lao động, còn nguyên liệu tăng theo năng suất lao động.

Cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên nhanh chóng ở thời kỳ công nghiệp hoá tư bản chủ nghĩa, hoặc ở những thời kỳ nền kinh tế tư bản thay đổi cơ cấu kinh tế. Xu hướng chung là tỷ

trọng lao động có trình độ cao và lao động trí tuệ ngày một tăng, gây nên những hậu quả xã hội tiêu cực đối với toàn bộ đội ngũ người lao động làm thuê.

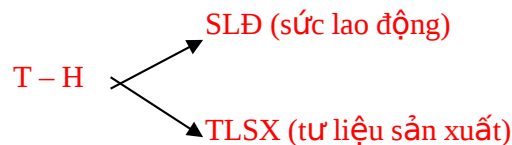
#### IV. QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

##### 1. Tuần hoàn của tư bản

Sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất biện chứng giữa quá trình sản xuất và quá trình lưu thông. Lưu thông của tư bản, theo nghĩa rộng là sự vận động của tư bản, nhờ đó mà tư bản lớn lên và thu được giá trị thặng dư, càng tức là sự tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản công nghiệp trong quá trình tuần hoàn đều vận động qua ba giai đoạn, tồn tại dưới ba hình thức và thực hiện ba chức năng:

###### a. Giai đoạn thứ nhất

Nhà tư bản dùng tiền để mua tư liệu sản xuất và sức lao động. Quá trình lưu thông đó biểu thị theo sơ đồ sau



Chức năng giai đoạn này là biến tư bản tiền tệ thành hàng hoá dưới dạng tư liệu sản xuất và sức lao động để đưa vào sản xuất, gọi là tư bản sản xuất.

###### b. Giai đoạn thứ hai

Nhà tư bản tiêu dùng những hàng hoá đó mua, tức là tiến hành sản xuất.

Sự vận động của tư bản ở giai đoạn này biểu thị theo sơ đồ sau



Trong công thức này, H' chỉ tư bản dưới hình thái hàng hoá mà giá trị của nó bằng giá trị của tư bản đó hao phí để sản xuất ra nó cộng với giá trị thặng dư. Kết thúc của giai đoạn này, tư bản sản xuất chuyển hoá thành tư bản hàng hoá.

###### c. Giai đoạn thứ ba

Nhà tư bản trở lại thị trường với tư cách là người bán hàng. Hàng hoá của nhà tư bản được chuyển hoá thành tiền. Công thức vận động của tư bản ở giai đoạn thứ ba biểu thị theo sơ đồ H' - T'. Kết thúc giai đoạn này, tư bản hàng hoá chuyển thành tư bản tiền tệ.

Tổng hợp quá trình vận động của tư bản công nghiệp trong cả ba giai đoạn ta có sơ đồ



**TLSX**

Trong sơ đồ này, với tư cách là một giá trị, tư bản đó trải qua một chuỗi biến hoá hình thái có quan hệ với nhau, quy định lẫn nhau. Trong các giai đoạn đó, có hai giai đoạn thuộc lĩnh vực lưu thông và một giai đoạn thuộc lĩnh vực sản xuất.

Tuần hoàn của tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái, thực hiện ba chức năng rồi trở về hình thái ban đầu với giá trị không những được bảo tồn, mà còn tăng lên. Để tái sản xuất diễn ra bình thường, tư bản xã hội càng như từng tư bản cá biệt đều tồn tại cùng một lúc dưới cả ba hình thái. Đồng thời, trong lúc một bộ phận của tư bản là tư bản tiền tệ đang biến thành tư bản sản xuất, thì một bộ phận khác là tư bản sản xuất đang biến thành tư bản hàng hoá và bộ phận thứ ba là tư bản hàng hoá đang biến thành tư bản tiền tệ. Mỗi bộ phận ấy đều lần lượt mang lấy và trệt bá một trong ba hình thái đó.

Ba hình thái của tư bản không phải là ba loại tư bản khác nhau mà là ba hình thái của một tư bản công nghiệp biểu hiện trong quá trình vận động của nó. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, khả năng tách rời đó đó làm xuất hiện tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay, hình thành các tập đoàn khác nhau trong giai cấp tư bản: chủ công nghiệp, nhà buôn, chủ ngân hàng v.v chia nhau giá trị thặng dư.

## **2. Chu chuyển của tư bản**

Chu chuyển của tư bản là sự tuần hoàn của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kì đổi mới, và sự lặp đi lặp lại không ngừng. Chu chuyển của tư bản nói lên tốc độ vận động của tư bản cá biệt.

### **a. Thời gian chu chuyển của tư bản**

Thời gian tư bản thực hiện được một vòng tuần hoàn gọi là thời gian chu chuyển của tư bản. Thời gian đó của tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

Thời gian sản xuất là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực sản xuất. Thời gian sản xuất gồm thời gian lao động, thời gian gián đoạn lao động và thời gian dự trữ sản xuất. Thời gian sản xuất của tư bản dài hay ngắn là do tác động của các yếu tố

*Tính chất của ngành sản xuất*

*Quy mô hoặc chất lượng các sản phẩm*

*Thời gian vật sản xuất chịu tác động của quá trình tự nhiên dài hay ngắn*

*Năng suất lao động.*

*Dự trữ sản xuất đủ hay thiếu v.v*

Thời gian lưu thông là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực lưu thông. Trong thời gian lưu thông, tư bản không làm chức năng sản xuất, do đó, không sản xuất ra hàng hoá, càng không sản

xuất ra giá trị thặng dư. Thời gian lưu thông gồm có thời gian mua và thời gian bán hàng hoá. Thời gian lưu thông dài hay ngắn là do các nhân tố sau đây quy định thị trường xa hay gần, tình hình thị trường xấu hay tốt, trình độ phát triển của ngành giao thông vận tải v.v. Thời gian chu chuyển của tư bản càng ngắn thì càng tạo ra điều kiện cho giá trị thặng dư được sản xuất ra nhiều hơn, tư bản càng lớn nhanh hơn.

### **b. Tốc độ chu chuyển của tư bản**

Các tư bản khác nhau hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau thì số lần chu chuyển trong một đơn vị thời gian (một năm) không giống nhau; nói cách khác, tốc độ chu chuyển của chúng khác nhau. Tốc độ chu chuyển của tư bản đo bằng số lần (vòng) chu chuyển của tư bản trong một năm.

Công thức tính tốc độ chu chuyển của tư bản là  $n = \frac{TGn}{TGA}$ ; Trong đó, n là số lần chu chuyển

của tư bản trong một năm, TGn là thời gian trong năm, TGA là thời gian chu chuyển của một tư bản nhất định. Như vậy, **tốc độ chu chuyển của tư bản tỷ lệ nghịch với thời gian chu chuyển của tư bản.**

->> Muốn tăng tốc độ chu chuyển của tư bản phải giảm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông của nó.

### **3. Tư bản cố định và tư bản lưu động**

Các bộ phận khác nhau của tư bản sản xuất không chu chuyển một cách giống nhau. Sở dĩ như vậy là vì mỗi bộ phận tư bản dịch chuyển giá trị của nó vào sản phẩm theo những cách thức khác nhau. Căn cứ vào tính chất chu chuyển khác nhau, người ta chia tư bản sản xuất thành hai bộ phận: tư bản cố định và tư bản lưu động.

Tư bản cố định là một bộ phận của tư bản sản xuất đồng thời là bộ phận chủ yếu của tư bản bất biến (máy móc, thiết bị, nhà xưởng v.v) tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong quá trình sản xuất.

**Có hai loại hao mòn là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.**

*Hao mòn hữu hình là hao mòn về vật chất, hao mòn về giá trị sử dụng*

*Hao mòn vô hình là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị.*

Tăng tốc độ chu chuyển của tư bản cố định là một biện pháp quan trọng để tăng quỹ khấu hao tài sản cố định, làm cho lượng tư bản sử dụng tăng lên nhằm tránh được thiệt hại hao mòn hữu hình do tự nhiên phá huỷ và hao mòn vô hình gây ra

Tư bản lưu động là một bộ phận của tư bản sản xuất, gồm một phần C và V

## **Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng – Khoa Lý Luận Chính Trị**

Tư bản lưu động chu chuyển nhanh hơn tư bản cố định. Việc tăng tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động có ý nghĩa quan trọng.

Việc phân chia tư bản ứng trước thành tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) là dựa vào vai trò của từng bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư.

Phân chia tư bản theo hình thức của sự chu chuyển

Tư bản cố định	Tư bản lưu động	
c1	c2	V
Tư bản bất biến		Tư bản khả biến

Trong đó, c1 là giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng v.v, c2 là giá trị nguyên, nhiên, vật liệu, v là giá trị sức lao động.

Việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động không phản ánh được nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong quản lý kinh tế. Nó là cơ sở để quản lý, sử dụng vốn cố định, vốn lưu động có hiệu quả hơn.

### **V. CÁC HÌNH THÁI TƯ BẢN VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**

#### **1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận**

##### **a. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa**

Nếu gọi giá trị hàng hoá là W thì  $W = c + v + m$ . Đó là những chi phí lao động thực tế của xã hội để sản xuất hàng hoá. Nhưng đối với nhà tư bản, để sản xuất hàng hoá, họ chỉ cần chi phí một lượng tư bản để mua tư liệu sản xuất (c) và mua sức lao động (v). Chi phí đó gọi là chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, được kí hiệu là k; công thức tính  $k = c + v$ .

Nếu dùng k để chỉ chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa thì công thức  $W = c + v + m$  sẽ chuyển hoá thành  $W = k + m$ .

Đối với nhà tư bản, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là giới hạn thực tế của lỗ lời kinh doanh nên họ ra sức tiết kiệm chi phí bằng mọi cách.

##### **b. Lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận**

*Lợi nhuận và bản chất của lợi nhuận*

1) *Lợi nhuận*. Do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa nên sau khi bán hàng theo đúng giá trị, nhà tư bản không chỉ bù lại đủ số tiền đó ứng ra mà còn thu lại được một số tiền lời ngang bằng m. Số tiền này là lợi nhuận (ký hiệu là p).

*Lợi nhuận thực chất là gì?*

2) *Bản chất của lợi nhuận*. Lợi nhuận là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư, nó phản ánh sai lệch bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Cái khác nhau giữa m' và p' là ở chỗ, khi

nói  $m$  là hàm ý so sánh nó với  $v$ , còn khi nói  $p$  lại hàm ý so sánh với  $(c + v)$ ;  $p$  và  $m$  thường không bằng nhau,  $p$  có thể cao hơn hoặc thấp hơn  $m$ , tùy thuộc và giá cả bán hàng hoá do quan hệ cung-cầu quy định. Nhưng xét trên phạm vi toàn xã hội, tổng số lợi nhuận luôn ngang bằng tổng số giá trị thặng dư.

*Tỷ suất lợi nhuận và những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận*

1) Tỷ suất lợi nhuận.

Nếu ký hiệu tỷ suất lợi nhuận là  $p'$ , thì  $p' = \frac{m}{c+v} 100\%$ . Trên thực tế, người ta thường tính  $p'$  hàng năm bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi nhuận thu được trong năm ( $P$ ) và tổng tư bản

ứng trước ( $K$ ) theo công thức  $p' \text{ hàng năm} = \frac{P}{K} 100\%$

Xét về lượng, tỷ suất lợi nhuận luôn nhỏ hơn tỉ suất giá trị thặng dư:  $p' < m'$  (vì  $p' = \frac{m}{c+v}$  còn  $m' = \frac{m}{v}$ ); Xét về chất, tỷ suất giá trị thặng dư biểu hiện đúng mức độ bóc lột của nhà tư bản đối với lao động

Tỷ suất lợi nhuận cao hay thấp phụ thuộc nhiều yếu tố như tỷ suất giá trị thặng dư, cấu tạo hữu cơ của tư bản, tốc độ chu chuyển tư bản, tiết kiệm tư bản bất biến v.v

2) Những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận. Ta đó biết  $p' = \frac{m}{c+v} 100\%$  (1);  $m' = \frac{m}{v} 100\%$  nên  $m = m'.v$ . Thay  $m = m'.v$  vào (1) ta có  $p' = \frac{m'.v}{c+v} 100\%$  (2). Tỷ suất lợi nhuận của

một lượng tư bản tăng hay giảm, do đó, phụ thuộc vào các yếu tố sau.

*Một là, phụ thuộc vào tỷ suất giá trị thặng dư*

*Hai là, phụ thuộc vào tốc độ chu chuyển tư bản.*

*Ba là, tiết kiệm tư bản bất biến.*

Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận nói trên được các nhà tư bản khai thác triệt để. Song, vì điều kiện cô thể của mỗi ngành sản xuất khác nhau nên cùng một lượng tư bản như nhau đầu tư vào các ngành sản xuất khác nhau lại thu được tỷ suất lợi nhuận khác nhau. Từ đó dẫn đến sự cạnh tranh hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân.

## **2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất**

### **a. Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường**

Cạnh tranh trong nội bộ ngành là cạnh tranh giữa các nhà máy trong cùng một ngành, sản xuất cùng một loại hàng hoá, nhằm mục đích giành ưu thế trong sản xuất và trong tiêu thụ hàng hoá để thu được lợi nhuận siêu ngạch.

Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành dẫn đến hình thành giá trị xã hội của hàng hoá, tức là giá trị thị trường của hàng hoá,

**b. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân**

Cạnh tranh giữa các ngành là cạnh tranh giữa các nhà máy tư bản, kinh doanh trong các ngành sản xuất khác nhau nhằm mục đích tìm nơi đầu tư có lợi hơn

Ví dụ, trong sản xuất tư bản chủ nghĩa có ba nhà tư bản đều có 100 tư bản đầu tư vào ba ngành sản xuất khác nhau. Ngành cơ khí có  $\frac{c}{v} = \frac{80c}{20v}$ ; Ngành dệt may có  $\frac{c}{v} = \frac{70c}{30v}$ ; Ngành thuộc da

có  $\frac{c}{v} = \frac{60c}{40v}$ . Tỷ suất giá trị thặng dư là  $m' = 100\%$ . Do điều kiện sản xuất khác nhau,  $\frac{c}{v}$  khác nhau

nên giá trị hàng hoá và tỉ suất lợi nhuận ( $P'$ ) của ba nhà tư bản sẽ là

$$G_{\text{cơ khí}} = 80c + 20v + 20m = 120, P'_{\text{cơ khí}} = , P'_{\text{cơ khí}} = 20\%.$$

$$G_{\text{dệt may}} = 70c + 30c + 30m = 130, P'_{\text{may}} = \frac{30m}{70c + 30v} 100\%, P'_{\text{may}} = 30\%$$

$$G_{\text{thuộc da}} = 60c + 40v + 40m = 140, P'_{\text{thuộc da}} = \frac{40m}{60c + 40v} 100\%, P'_{\text{thuộc da}} = 40\%$$

Nhận xét. Nhìn vào tỷ suất lợi nhuận của ba nhà tư bản trên, ta thấy nhà tư bản sản xuất da có tỷ suất lợi nhuận cao nhất ( $P' = 40\%$ ), nhà tư bản sản xuất dệt may có tỷ suất lợi nhuận trung bình ( $P' = 30\%$ ), còn nhà tư bản sản xuất cơ khí có tỷ suất lợi nhuận thấp nhất ( $P' = 20\%$ ). Mục đích của các nhà tư bản luôn luôn tìm nơi có tỷ suất lợi nhuận cao để đầu tư, vì vậy các nhà tư bản sản xuất cơ khí di chuyển tư bản và sức lao động từ ngành cơ khí sang ngành da. Kết quả là làm cho quy mô sản xuất của ngành cơ khí bị thu hẹp lại còn quy mô của ngành thuộc da ngày càng mở rộng.

Tại ngành da, do quy mô mở rộng đó làm cho sản phẩm da cung lớn hơn cầu (sản phẩm ế sẽ tồn đọng) không bán được, lập tức thị trường giảm giá bán sản phẩm ra, tỷ suất lợi nhuận  $P'$  càng theo đó mà giảm từ 40% xuống 30%. Tại ngành cơ khí, do quy mô bị thu hẹp nên đó làm cho sản phẩm cơ khí cầu lớn hơn cung, hàng hoá cơ khí sẽ khan hiếm. Khi hàng hoá khan hiếm, người bán sẽ nâng giá. Khi giá bán sản phẩm cơ khí tăng, tỉ suất lợi nhuận  $P'$  sẽ tăng từ 20% lên 30%.

Cuối cùng, cả ba nhà tư bản đều nhận được mức lợi nhuận là 30%. Lợi nhuận này được gọi là lợi nhuận bình quân.

Quy luật giá trị thặng dư hoạt động trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thể hiện thành quy luật lợi nhuận bình quân.

Tỷ suất lợi nhuận bình quân là

$$\bar{p}' = \frac{\bar{p}'_1 + \bar{p}'_2 + \dots + \bar{p}'_n}{n} \text{ hoặc } \bar{p}' = \frac{\sum_M}{\sum_M}; \text{ trong đó,}$$

$\sum_M$  là tổng m của xã hội,  $\sum_M$  là tổng tư bản xã hội.

Khi hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, có thể tính lợi nhuận bình quân  $\bar{p}$  từng ngành theo công thức  $\bar{p} = k \cdot \bar{p}'$ ; trong đó k là tư bản ứng trước của từng ngành.

### **c. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất**

Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, khi lợi nhuận (p) chuyển hoá thành lợi nhuận bình quân ( $\bar{p}$ ) thì giá trị hàng hoá chuyển thành giá cả sản xuất. Giá trị hàng hoá  $G = c + v + m$  chuyển thành giá cả sản xuất ( $k + \bar{p}$ ), tức là giá cả sản xuất bằng chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa cộng với lợi nhuận bình quân.

Giá trị là cơ sở của giá cả sản xuất, giá cả sản xuất là phạm trù kinh tế tương đương với phạm trù giá cả. Giá cả sản xuất là cơ sở của giá cả trên thị trường, giá cả sản xuất điều tiết giá cả thị trường, giá cả thị trường xoay xung quanh giá cả sản xuất.

Khi giá trị hàng hoá chuyển thành giá cả sản xuất thì quy luật giá trị có hình thức biểu hiện là giá cả sản xuất; quy luật giá trị thặng dư có hình thức biểu hiện là quy luật lợi nhuận bình quân.

## **3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản**

### **a. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp**

- *Nguồn gốc của tư bản thương nghiệp.* Tư bản thương nghiệp xuất hiện rất sớm trong lịch sử. Nó tồn tại trên cơ sở lưu thông hàng hoá và lưu thông tiền tệ. Trước chủ nghĩa tư bản, lợi nhuận của tư bản thương nghiệp chủ yếu là do mua rẻ, bán đắt. Trong chủ nghĩa tư bản, tư bản thương nghiệp là một bộ phận tư bản công nghiệp tách ra chuyên đảm nhận khâu lưu thông hàng hoá. Như vậy, hoạt động của tư bản thương nghiệp chỉ là những hoạt động phục vụ cho quá trình thực hiện giá trị hàng hoá của tư bản công nghiệp. Công thức vận động của nó là  $T - H - T'$ .

Tư bản thương nghiệp có đặc điểm vừa phụ thuộc vào tư bản công nghiệp, vừa có tính độc lập tương đối. Sự phụ thuộc thể hiện ở chỗ tư bản thương nghiệp chỉ là một bộ phận của tư bản công nghiệp tách ra. Tính độc lập tương đối biểu hiện ở chỗ chức năng chuyển hoá cuối cùng của hàng hoá thành tiền trở thành chức năng riêng biệt tách rời khỏi tư bản công nghiệp, nằm trong tay người khác.

Khi tư bản thương nghiệp xuất hiện, nó có vai trò và lợi ích to lớn đối với xã hội,



*Nhờ có thương nhân chuyên trách việc mua bán hàng hoá*

*Nhờ có thương nhân chuyên trách việc mua bán hàng hoá, người sản xuất có thể tập trung thời gian chăm lo việc sản xuất*

*Nhờ có thương nhân chuyên trách việc mua bán hàng hoá sẽ rút ngắn thời gian lưu thông, - Lợi nhuận thương nghiệp. Tư bản thương nghiệp nếu chỉ giới hạn trong việc mua bán hàng hoá, thì không tạo ra giá trị và giá trị thặng dư. Nhưng là tư bản, nó chỉ có thể hoạt động với mục đích thu lợi nhuận.*

**Vậy, lợi nhuận thương nghiệp là gì; do đâu mà có?**

Lợi nhuận thương nghiệp là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất mà tư bản công nghiệp nhường cho tư bản thương nghiệp

Việc phân phối giá trị thặng dư giữa nhà tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp diễn ra theo quy luật tỉ suất lợi nhuận bình quân thông qua cạnh tranh và thông qua chênh lệch giữa giá cả sản xuất cuối cùng (giá bán lẻ thương nghiệp) và giá cả sản xuất công nghiệp (giá bán buôn công nghiệp).

#### **b. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay**

- *Tư bản cho vay* là hình thức tư bản xuất hiện từ trước chủ nghĩa tư bản. Điều kiện tồn tại của hình thức tư bản này là sản phẩm trở thành hàng hoá và tiền tệ đó phát triển các chức năng của mình. Trước chủ nghĩa tư bản, hình thức đặc trưng của tư bản cho vay là tư bản cho vay nặng lời. Trong xã hội tư bản, tư bản cho vay là tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người chủ của nó cho nhà tư bản khác sử dụng trong thời gian nhất định để nhận được số tiền lời nào đó (gọi là lợi tức).

*Tư bản cho vay có đặc điểm*

*Quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng tư bản*

*Tư bản cho vay là một hàng hoá đặc biệt*

*Tư bản cho vay là tư bản được dùng cùng bái nhất.*

Do vận động theo công thức T-T' nên nó gây ấn tượng hình thức rằng tiền có thể đẻ ra tiền.

Sự hình thành tư bản cho vay là kết quả của sự phát triển quan hệ hàng hoá-tiền tệ đến một trình độ nhất định làm xuất hiện một quan hệ là có nơi tiền tệ tạm thời nhàn rỗi, có nơi lại thiếu tiền để hoạt động. Tư bản cho vay ra đời góp phần vào việc tích tụ, tập trung tư bản, mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, đẩy nhanh tốc độ chuyển của tư bản. Do đó nó góp phần làm tăng thêm tổng giá trị thặng dư trong xã hội.

- *Lợi tức và tỷ suất lợi tức.* Lợi tức (ký hiệu là  $z$ ) là một phần của lợi nhuận bình quân mà tư bản đi vay trả cho tư bản cho vay về quyền sở hữu tư bản để được quyền sử dụng tư bản trong một thời gian nhất định. Người cho vay và người đi vay thoả thuận với nhau về tỷ suất lợi tức.

Tỷ suất lợi tức (ký hiệu là  $z'$ ) là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay trong một thời gian nhất định. Công thức tính  $z' = \frac{z}{K_{cv}} 100$ ; trong đó  $K_{cv}$  là số tư bản cho vay.

Tỷ suất lợi tức phụ thuộc vào tỉ suất lợi nhuận bình quân và quan hệ cung - cầu về tư bản cho vay. Giới hạn vận động của tỷ suất lợi tức là  $0 < z' < p'$ .

### **c. Quan hệ tín dụng tư bản chủ nghĩa. Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng**

- *Quan hệ tín dụng tư bản chủ nghĩa* là hình thức vận động của tư bản cho vay

Những hình thức cơ bản của tín dụng tư bản chủ nghĩa gồm

*tín dụng thương nghiệp*

*tín dụng ngân hàng*

- *Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng.* Tư bản ngân hàng là loại xí nghiệp tư bản kinh doanh tư bản tiền tệ và làm môi giới cho người đi vay và người cho vay. Nghiệp vụ ngân hàng chia ra thành nghiệp vụ nhận gửi và nghiệp vụ cho vay. Ngân hàng vay tiền theo tỷ suất lợi tức thấp, cho vay theo tỷ suất lợi tức cao hơn. Ngân hàng đem một phần của số chênh lệch đó trang trải các chi phí cần thiết về nghiệp vụ của mình, phần còn lại là lợi nhuận ngân hàng. Sự cạnh tranh giữa các ngành trong xã hội tư bản chủ nghĩa làm cho lợi nhuận ngân hàng càng bằng lợi nhuận bình quân; nếu không, chủ ngân hàng sẽ chuyển vốn sang kinh doanh các ngành khác.

### **d. Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán**

- *Công ty cổ phần.* Sự phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và các quan hệ tín dụng đó làm xuất hiện các công ty cổ phần- loại xí nghiệp lớn mà vốn của nó hình thành từ việc liên kết nhiều tư bản cá biệt và các nguồn tiết kiệm cá nhân thông qua việc phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu là loại chứng khoán có giá, bảo đảm cho người sở hữu nó được quyền nhận một phần thu nhập của công ty dưới hình thức lợi tức cổ phiếu (cổ tức). Lợi tức cổ phiếu không cố định mà phụ thuộc vào kết quả hoạt động của công ty.

Cổ phiếu được mua bán trên thị trường theo giá gọi là thị giá cổ phiếu. Thị giá cổ phiếu luôn biến động, một phần do sự biến động của tỷ suất lợi tức ngân hàng, một phần vì những đánh giá về tình hình hoạt động của công ty cổ phần, về lợi tức cổ phiếu dự đoán sẽ thu được.

Người mua cổ phiếu gọi là cổ đông. Về mặt tổ chức và quản lý, đại hội cổ đông là cơ quan tối cao bầu ra hội đồng quản trị và quyết định phương hướng kinh doanh cùng những vấn đề

quan trọng khác trong hoạt động của công ty. Phiếu biểu quyết trong đại hội cổ đông được quy định theo số lượng cổ phiếu, bởi vậy những nhà tư bản nắm được số cổ phiếu khống chế có khả năng thao túng mọi hoạt động của công ty.

Ngoài cổ phiếu, khi cần vốn cho hoạt động kinh doanh, công ty cổ phần còn phát hành trái phiếu. Khác với cổ phiếu, trái phiếu cho người sở hữu nó có quyền được nhận một khoản lợi tức cố định và được hoàn trả vốn sau thời hạn ghi trên trái phiếu. Người mua trái phiếu không được tham gia đại hội cổ đông.

- *Tư bản giả và thị trường chứng khoán.* **Tư bản giả** là tư bản tồn tại dưới hình thức chứng khoán có giá, nó mang lại thu nhập cho người sở hữu chứng khoán đó.

- *Thị trường chứng khoán.* Chứng khoán là các loại giấy tờ có giá trị như cổ phiếu, trái phiếu, công trái, kỳ phiếu, tín phiếu, văn tự cầm cố, các loại chứng chỉ quỹ đầu tư v.v.

Thị trường chứng khoán là loại thị trường rất nhạy với các biến động kinh tế, chính trị-xã hội, là “ phong vũ biểu” của nền kinh tế

#### **e. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa**

- *Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp.* Trong nông nghiệp, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành chủ yếu trên hai con đường. Một là, thông qua cải cách, dần dần chuyển kinh tế địa chủ phong kiến sang kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa như ở Đức, Ý, Nhật, Nga v.v. Hai là, thông qua cách mạng dân chủ tư sản, xoá bỏ kinh tế địa chủ phong kiến, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa như ở Anh, Mỹ, Pháp v.v.

- *Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa.* Nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải thuê ruộng đất của địa chủ và thuê công nhân để tiến hành sản xuất. Do đó nhà tư bản phải trích một phần giá trị thặng dư do công nhân tạo ra để trả cho địa chủ dưới hình thức địa tô.

- *Các hình thức địa tô tư bản chủ nghĩa*

+ Địa tô chênh lệch. Nông nghiệp có một số đặc điểm khác với công nghiệp, như số lượng ruộng đất bị giới hạn; độ màu mù tự nhiên và vị trí địa lý của ruộng đất không giống nhau; các điều kiện thời tiết, khí hậu của địa phương ít biến động; Vì thế, canh tác trên đất tốt và trung bình sẽ có lợi nhuận siêu ngạch. Phần lớn lợi nhuận siêu ngạch sẽ tồn tại thường xuyên, tương đối ổn định và chuyển hoá thành địa tô chênh lệch. Như vậy, địa tô chênh lệch là phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân thu được trên ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi hơn. Địa tô chênh lệch có hai loại là địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch II.

Địa tô chênh lệch I là loại địa tô thu được trên những ruộng đất có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

## **Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng – Khoa Lý Luận Chính Trị**

---

Ví dụ 1, Địa tô chênh lệch I thu được trên những ruộng đất có độ màu mù tự nhiên trung bình và tốt (giả sử có  $P' = 20\%$ ).

Loại ruộng	Tư bản đầu tư	P'	Sản lượng (tạ)	Giá cả sản xuất cá biệt		Giá cả sản xuất chung		Địa tô chênh lệch
				Cửa 1 tạ	Cửa tổng sản phẩm	Cửa 1 tạ	Cửa tổng sản phẩm	
Tốt	100	20	6	20	120	30	180	60
Trung bình	100	20	5	24	120	30	150	30
Xấu	100	20	4	30	120	30	120	0

Địa tô chênh lệch II là loại địa tô thu được nhờ thâm canh năng suất, là kết quả của tư bản đầu tư thêm trên cùng đơn vị diện tích.

Ví dụ 3, Cần chú ý rằng, năng suất của lần đầu tư thêm phải lớn hơn năng suất của lần đầu tư trên ruộng xấu, thì khi đó mới có được lợi nhuận siêu ngạch.

Loại ruộng	Lần đầu tư	Tư bản đầu tư	P	Sản lượng (tạ)	Giá cả sản xuất cá biệt 1tạ	Giá cả sản xuất chung		Địa tô chênh lệch
						1tạ	Tổng sản lượng	
Cùng một thửa ruộng	Thứ 1	100	20	4	30	30	120	0
	Thứ 2	100	20	6	20	30	180	60
	Thứ 3	100	20	8	15	30	240	120

Trong thời hạn hợp đồng, lợi nhuận siêu ngạch do đầu tư thâm canh đem lại thuộc nhà tư bản kinh doanh ruộng đất. Chỉ đến khi hết thời hạn hợp đồng, địa chủ mới tìm cách nâng giá cho thuê ruộng đất, tức là biến lợi nhuận siêu ngạch do đầu tư thâm canh đem lại (địa tô chênh lệch II) thành địa tô chênh lệch I. Tình trạng này dẫn đến mâu thuẫn: nhà tư bản thuê đất muốn kéo dài thời hạn thuê, còn địa chủ lại muốn rút ngắn thời hạn cho thuê. Do đó, trong thời gian thuê đất, nhà tư bản tìm mọi cách quay vòng, tận dụng, vắt kiệt độ màu mù đất đai.

+ Địa tô tuyệt đối là loại địa tô mà các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp tuyệt đối phải nộp cho địa chủ, dù ruộng đất đó tốt hay xấu, ở gần hay xa. Địa tô tuyệt đối là số lợi nhuận siêu

ngạch dụi ra ngoài lợi nhuận bình quân, hình thành nên bởi chênh lệch giữa giá trị nông sản với giá cả sản xuất chung của nông phẩm.

Ví dụ, Có hai tư bản trong nông nghiệp và trong công nghiệp đều là 100, cấu tạo hữu cơ trong nông nghiệp là 3/2, cấu tạo hữu cơ trong công nghiệp là 4/1. Giả sử  $m'=100%$ , thì giá trị sản phẩm và giá trị thặng dư sản xuất ra trong từng lĩnh vực sẽ là: Trong công nghiệp  $80c + 20v + 20m = 120$ ; Trong nông nghiệp  $60c + 40v + 40m = 140$ . Giá trị thặng dư dụi ra trong nông nghiệp so với trong công nghiệp là 20. Số chênh lệch này không bị bình quân hoá mà chuyển hoá thành địa tô tuyệt đối.

Cơ sở của địa tô tuyệt đối là so cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp.

+ Địa tô độc quyền là hình thức đặc biệt của địa tô tư bản chủ nghĩa.

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản. Theo anh (chị), điều kiện gì quyết định tiền tệ biến thành tư bản, Vì sao?

2. Phân tích hàng hoá sức lao động và ý nghĩa của lý luận này đối với lý luận giá trị thặng dư?

3. Phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư và những nhận xét từ quá trình sản xuất đó?

4. Cơ sở và ý nghĩa của việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?

5. Phân tích 2 phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản. ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu vấn đề này?

6. So sánh giá trị thặng dư với lợi nhuận, tỷ suất giá trị thặng dư với tỷ suất lợi nhuận?

7. Phân tích thực chất và động cơ tích lũy tư bản. Mối quan hệ và sự khác nhau giữa tích tụ và tập trung tư bản. Vai trò của tập trung tư bản trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản?

8. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản. ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?

9. Trình bày khái niệm chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận. Sự xuất hiện các khái niệm trên đó che lấp bản chất và nguồn gốc của chúng như thế nào?

10. Phân tích sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất. ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu vấn đề này?

11. Phân tích những nội dung cơ bản về sự hình thành công ty cổ phần và thị trường chứng khoán. ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu vấn đề này ở nước ta hiện nay?

12. Phân tích bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa và các hình thức địa tô. Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu vấn đề này?

13. Phân tích sự hình thành địa tô chênh lệch. Phân biệt địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch II. Ý nghĩa của việc nghiên cứu địa tô chênh lệch II?

**CHƯƠNG 6. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN  
VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**Mục đích yêu cầu:**

**1. Về kiến thức**

- **Thấy được** quá trình phát sinh và phát triển của chủ nghĩa tư bản trên thế giới
- **Sự độc quyền về kinh tế của chủ nghĩa tư bản và những biểu hiện của nó**
- **Thấy được** vai trò của nó trong quá trình cải tạo và phát triển của nhân loại

**2. Về thái độ**

- **Thấy được** các bước chuyển biến nhằm thích nghi với nền kinh tế quốc tế của chủ nghĩa tư bản
- **Có thái độ nhìn nhận về** vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản đối với nhân loại
- **Có thái độ về giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản trong những năm gần đây**

**I. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN**

**1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do sang chủ nghĩa tư bản độc quyền**

**a. Nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền**

Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, C.Mác và Ph.Ăngghen đó dự báo rằng, tự do cạnh tranh sinh ra tích tụ và tập trung sản xuất; tích tụ và tập trung sản xuất phát triển đến một mức độ nào đó sẽ dẫn đến độc quyền. Vận dụng sống tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác vào điều kiện lịch sử mới của thế giới, V.I. Lênin đó chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản đó chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, đồng thời ông nêu ra những (năm) đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đó.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX do những nguyên nhân

1) Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, hình thành các xí nghiệp có quy mô lớn

2) Vào 30 năm cuối của thế kỷ XIX, những thành tựu khoa học kỹ thuật mới xuất hiện như lò luyện kim mới Betsome, Mactanh, Tômát v.v đó tạo ra sản lượng lớn gang thép với chất lượng cao; phát hiện ra hoá chất mới như axit sunphuaric, thuốc nhuộm v.v; động cơ diezen, máy phát điện, máy tiện, máy phay v.v ra đời; phát triển những phương tiện vận tải mới như xe hơi, tàu thủy, xe điện, máy bay v.v và đặc biệt là đường sắt. Những thành tựu khoa học kỹ thuật này, một mặt làm xuất hiện những ngành sản xuất mới đòi hỏi xí nghiệp phải có quy mô lớn; mặt khác, nó dẫn đến tăng năng suất lao động, tăng khả năng tích lũy tư bản, thúc đẩy phát triển sản xuất lớn

3) Trong điều kiện phát triển của khoa học kỹ thuật, sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản như quy luật giá trị thặng dư, quy luật tích lũy v.v ngày càng mạnh mẽ, làm biến đổi cơ cấu kinh tế của xã hội tư bản theo hướng tập trung sản xuất quy mô lớn

4) Cạnh tranh khốc liệt buộc các nhà tư bản phải tích cực cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy để thắng thế trong cạnh tranh. Đồng thời, cạnh tranh gay gắt làm cho các nhà tư bản vừa và nhỏ bị phá sản, còn các nhà tư bản lớn phát tài, làm giàu với số tư bản tập trung và quy mô xí nghiệp ngày càng to lớn

5) Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1873 trong toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa làm phá sản hàng loạt xí nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy nhanh chóng quá trình tích tụ và tập trung tư bản

6) Sự phát triển của hệ thống tín dụng tư bản chủ nghĩa trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, nhất là việc hình thành các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền.

Từ những nguyên nhân trên, V.I.Lênin khẳng định “tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền”<sup>7</sup>.

### **b. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền**

Chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do phát triển đến độ nhất định thì xuất hiện các tổ chức độc quyền. Lúc đầu tư bản độc quyền chỉ có trong một số ngành, một số lĩnh vực của nền kinh tế. Hơn nữa, sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền càng chưa thật lớn. Tuy nhiên, sau này, sức mạnh của các tổ chức độc quyền đó được nhân lên nhanh chóng và từng bước chiếm địa vị chi phối trong toàn bộ nền kinh tế. Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn phát triển mới- chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Xét về bản chất, chủ nghĩa tư bản độc quyền là một nấc thang phát triển mới của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản độc quyền là chủ nghĩa tư bản trong đó ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế tồn tại các tổ chức tư bản độc quyền và chúng chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Nếu trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, sự phân hoá giữa các nhà tư bản chưa thực sự sâu sắc nên quy luật thống trị của thời kỳ này là quy luật lợi nhuận bình quân, còn trong chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật thống trị là quy luật lợi nhuận độc quyền.

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền vẫn không làm thay đổi được bản chất của chủ nghĩa tư bản. Bản thân quy luật lợi nhuận độc quyền càng chỉ là một hình thái biến tướng của quy luật giá trị thặng dư.

## **2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền**

---

<sup>7</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.27, tr.402



**a. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền**

Tích tụ và tập trung sản xuất cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền là đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc. Tổ chức độc quyền là tổ chức liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao.

Các ten là hình thức tổ chức độc quyền giữa các nhà tư bản ký hiệp nghị thoả thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán v.v. Các nhà tư bản tham gia các ten vẫn độc lập về sản xuất và lưu thông. Họ chỉ cam kết làm đúng hiệp nghị. Vì vậy, các ten là liên minh độc quyền không vững chắc. Trong nhiều trường hợp, những thành viên thấy ở vào vị trí bất lợi đó rút ra khỏi các ten, làm cho các ten thường tan vì trước kỳ hạn.

Xanh đica là hình thức tổ chức độc quyền cao hơn, ổn định hơn các ten. Các xí nghiệp tham gia xanh đica vẫn giữ độc lập về sản xuất, chỉ phụ thuộc về lưu thông: mọi việc mua- bán do một ban quản trị chung của xanh đica đảm nhận. Mục đích của xanh đica là thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

Tờ rít là một hình thức độc quyền cao hơn các ten và xanh đica, nhằm thống nhất cả việc sản xuất, tiêu thụ, tài vô điều do một ban quản trị quản lý. Các nhà tư bản tham gia tờ rít trở thành những cổ đông thu lợi nhuận theo số lượng cổ phần.

Côngxoócxiom là hình thức tổ chức độc quyền có trình độ và quy mô lớn hơn các hình thức độc quyền trên. Tham gia côngxoócxiom không chỉ có các nhà đầu tư tư bản lớn mà còn có cả các xanh đica, tờ rít, thuộc các ngành khác nhau nhưng liên quan với nhau về kinh tế, kỹ thuật. Với kiểu liên kết dọc như vậy, một côngxoócxiom có thể có hàng trăm xí nghiệp liên kết trên cơ sở hoàn toàn phụ thuộc về tài chính vào một nhóm tư bản kếch sù.

Từ giữa thế kỷ XX phát triển một kiểu liên kết mới- liên kết đa ngành- hình thành những cônglômờrat hay consơn khổng lồ thâm nhập nhiều công ty, xí nghiệp.v

Nhờ nắm được địa vị thống trị trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông, các tổ chức độc quyền có khả năng định ra giá cả độc quyền. Những thứ mà các tổ chức độc quyền kếch xù thu được càng là những thứ mà các tầng lớp tư sản vừa và nhỏ, nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa và nhân dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc mất đi.

**b. Tư bản tài chính và đầu sỏ tài chính**

Cùng với quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, trong công nghiệp càng diễn ra quá trình tích tụ, tập trung tư bản trong ngân hàng, dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền trong ngân hàng. Quy luật tích tụ, tập trung tư bản trong ngân hàng càng giống như trong công nghiệp, do quá trình cạnh tranh các ngân hàng vừa và nhỏ bị thôn tính, dẫn đến hình thành những ngân hàng lớn.

Khi sản xuất trong ngành công nghiệp tích tụ ở mức độ cao, thì các ngân hàng nhỏ không đủ tiềm lực và uy tín phục vụ cho công việc kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp lớn. Các tổ chức độc quyền này tìm đến các ngân hàng lớn hơn thích hợp với các điều kiện tài chính và tín dụng của mình. Trong điều kiện đó, các ngân hàng nhỏ phải tự sáp nhập vào các ngân hàng mạnh hơn hoặc phải chấm dứt sự tồn tại của mình trước quy luật khốc liệt của cạnh tranh. Quá trình này đó thúc đẩy các tổ chức độc quyền ngân hàng ra đời.

Sự xuất hiện, phát triển của các độc quyền trong ngân hàng đó làm thay đổi quan hệ giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, làm cho ngân hàng bắt đầu có vai trò mới. Ngân hàng từ chỗ chỉ là kẻ trung gian trong việc thanh toán và tín dụng, nay đó nắm được hầu hết tư bản tiền tệ của xã hội nên có quyền lực vạn năng. Quá trình độc quyền hoá trong công nghiệp và trong ngân hàng xoắn xuýt với nhau và thúc đẩy lẫn nhau làm nảy sinh một thứ tư bản mới, gọi là tư bản tài chính. Tư bản tài chính là sự thâm nhập và dung hợp vào nhau giữa tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền trong công nghiệp.

Ngoài “chế độ tham dự”, bọn đầu sỏ tài chính còn sử dụng những thủ đoạn như lập công ty mới, phát hành trái khoán, kinh doanh công trái, đầu cơ chứng khoán ở sở giao dịch, đầu cơ ruộng đất v.v để thu được lợi nhuận độc quyền cao.

Thống trị về kinh tế là cơ sở để bọn đầu sỏ tài chính thống trị về chính trị và các mặt khác. Về mặt chính trị bọn đầu sỏ tài chính chi phối mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, biến nhà nước tư sản thành công cụ phục vụ lợi ích cho chúng. Sự thống trị của bọn tài phiệt đó làm nảy sinh chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quân phiệt và nhiều thứ chủ nghĩa phản động khác, cùng chạy đua vô trang gây chiến tranh xâm lược để áp bức, bóc lột các nước đang phát triển và chậm phát triển.

### **c. Xuất khẩu tư bản**

V.I.Lênin chỉ ra rằng, xuất khẩu hàng hoá là đặc điểm của giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, còn xuất khẩu tư bản là đặc điểm của giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền. Xuất khẩu hàng hoá là mang hàng hoá ra nước ngoài để thực hiện giá trị và giá trị thặng dư, còn xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư tư bản ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư ở các nước nhập khẩu tư bản đó.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xuất khẩu tư bản trở thành tất yếu do những nguyên nhân

1) Một số ít nước phát triển đó tích lũy được một khối lượng tư bản lớn và có một số “tư bản thừa” tương đối cần tìm nơi đầu tư có nhiều lợi nhuận hơn so với đầu tư ở trong nước

2) Nhiều nước lạc hậu về kinh tế bị lôi cuốn vào sự giao lưu kinh tế thế giới nhưng lại rất thiếu tư bản, giá ruộng đất tương đối hạ, tiền lương thấp, nguyên liệu rẻ, nên tỷ suất lợi nhuận cao, rất hấp dẫn đầu tư tư bản.

Xuất khẩu tư bản được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu là đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

Việc xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị của tư bản tài chính ra toàn thế giới. Tuy nhiên, việc xuất khẩu tư bản, về khách quan có những tác động tích cực đến nền kinh tế các nước nhập khẩu, như thúc đẩy quá trình chuyển kinh tế tự cung tự cấp thành kinh tế hàng hoá, thúc đẩy sự chuyển biến từ cơ cấu kinh tế thuần nông thành cơ cấu kinh tế nông-công nghiệp, mặc dù cơ cấu này còn quá quặt, lệ thuộc vào kinh tế của chính quốc.

#### **d. Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền**

Quá trình tích tụ và tập trung tư bản phát triển, việc xuất khẩu tư bản tăng lên cả về quy mô và phạm vi tất yếu dẫn tới sự phân chia thế giới về mặt kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền và hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế. Do đó, trong thời đại tư bản độc quyền, cuộc đấu tranh gay gắt giành thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu càng như lĩnh vực đầu tư tư bản ở nước ngoài ngày càng mở rộng.

Như vậy, sự phân chia thế giới về kinh tế (hay là sự phân chia thị trường thế giới) là đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Sự phân chia này trở thành tất yếu trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và diễn ra trong các tổ chức độc quyền tư nhân. Kết quả là dẫn tới sự hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế dưới các hình thức cácten, xanđica, tơrit. Sự phân chia này là sự phân chia trực tiếp, có quan hệ gắn bó với xuất khẩu tư bản. Điều đó đã được V.I.Lênin phân tích sâu sắc và cho đến nay vẫn còn giá trị khoa học.

#### **e. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc**

Sự phân chia thế giới về kinh tế được củng cố và tăng cường bằng việc phân chia thế giới về lãnh thổ. Các cường quốc ra sức xâm chiếm các nước chậm phát triển để làm thuộc địa nhằm giành thị trường tiêu thụ hàng hoá, nguồn nguyên liệu, nơi đầu tư tư bản có lợi và căn cứ quân sự.

Về vấn đề này, V.I.Lênin viết “Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó (...) đó tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc có tính chất quá độ của các nước.

Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc có liên quan chặt chẽ với nhau, nói lên bản chất của chủ nghĩa đế quốc về mặt kinh tế là sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là hiếu chiến, xâm lược.

### **3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền**

Các tổ chức độc quyền hình thành do chính sự vận động nội tại của chủ nghĩa tư bản sinh ra. Độc quyền là biểu hiện mới, mang những quan hệ mới nhưng nó không vượt ra khỏi các quy luật của chủ nghĩa tư bản, mà chỉ là sự tiếp xúc mở rộng, phát triển những xu thế sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hoá nói chung, làm cho các quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hoá và của chủ nghĩa tư bản có những biểu hiện mới.

#### **a. Sự hoạt động của quy luật giá trị**

Do chiếm được vị trí độc quyền nên các tổ chức độc quyền đó áp đặt giá cả độc quyền; giá cả độc quyền thấp khi mua, giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị không còn hoạt động. Về thực chất, giá cả độc quyền vẫn không thoát ly và không phủ định cơ sở của nó là giá trị. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền chẳng qua là nhằm chiếm đoạt một phần giá trị và giá trị thặng dư của những người khác. Nếu xem xét trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản thì tổng số giá cả vẫn bằng tổng số giá trị. Như vậy, nếu như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất, thì trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền.

#### **b. Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư**

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân. Bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, các tổ chức độc quyền thao túng nền kinh tế bằng giá cả độc quyền và thu được lợi nhuận độc quyền cao. Do đó quy luật lợi nhuận độc quyền cao chỉ là hình thức biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Nguồn gốc của lợi nhuận độc quyền cao là lao động không công của công nhân ở các xí nghiệp độc quyền

Như vậy, sự biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thành quy luật lợi nhuận độc quyền cao chỉ là sự phản ánh quan hệ thông trị và bóc lột tư bản độc quyền trong tất cả các ngành kinh tế của xã hội tư bản và trên toàn thế giới.

## **II. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC**

### **1. Nguồn nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

#### **a. Nguồn nhân hình thành của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

Vào đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã chỉ rõ chủ nghĩa tư bản độc quyền chuyển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là khuynh hướng tất yếu. Nhưng chỉ đến những năm 50 của thế

ky XX, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước mới trở thành hiện thực rõ ràng và là một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ra đời do những nguyên nhân chủ yếu sau

- 1) Tích tụ và tập trung tư bản càng lớn thì tích tụ và tập trung sản xuất càng cao. Hình thức mới đó là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.
- 2) Sự phát triển của phân công lao động xã hội đó làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền tư bản tư nhân không thể hoặc không muốn kinh doanh vì đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm và ít lợi nhuận, nhất là các ngành thuộc kết cấu hạ tầng như năng lượng, giao thông vận tải, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản.
- 3) Sự thống trị của độc quyền đó làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản và nhân dân lao động.
- 4) Cùng với xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới.
- 5) Việc thi hành chủ nghĩa thực dân mới, cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ càng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế.

### **b. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một cơ chế thống nhất nhằm làm giàu cho các tổ chức độc quyền và giúp quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất do cuộc cách mạng khoa học, công nghệ tạo ra.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là nấc thang phát triển mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Nó là sự thống nhất của ba quá trình gắn bó chặt chẽ với nhau

V.I.Lênin chỉ ra rằng “Bọn đầu sỏ tài chính dùng một mạng lưới dày đặc những quan hệ lệ thuộc để bao trùm hết thấy các thiết kế kinh tế và chính trị (...) đó là biểu hiện rõ rệt nhất của sự độc quyền ấy”<sup>8</sup>.

Bất cứ nhà nước nào càng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội mà nó thống trị, song ở mỗi chế độ xã hội, vai trò kinh tế của nhà nước có sự biến đổi thích hợp đối với xã hội đó. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa nhằm duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản, làm cho chủ nghĩa tư bản thích nghi với điều kiện lịch sử mới.

---

<sup>8</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.27, tr.535

## **2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

### **a. Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước**

V.I.Lênin đó từng nhấn mạnh rằng sự liên minh cá nhân của các ngân hàng với công nghiệp được bổ sung bằng sự liên minh cá nhân của ngân hàng và công nghiệp với chính phủ “Hôm nay là bộ trưởng, ngày mai là chủ ngân hàng; hôm nay là chủ ngân hàng, ngày mai là bộ trưởng”<sup>9</sup>.

Sự kết hợp về nhân sự được thực hiện thông qua các đảng phái tư sản và chủ các hội chủ xí nghiệp. Các đảng phái này đó tạo ra cho tư bản độc quyền một cơ sở xã hội để thực hiện sự thống trị và trực tiếp xây dựng đội ngũ công chức bộ máy nhà nước.

### **b. Sự hình thành khu vực kinh tế nhà nước và sở hữu nhà nước tư sản**

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống, nhưng nét nổi bật nhất là sức mạnh của độc quyền và của nhà nước kết hợp với nhau trong lĩnh vực kinh tế. Cơ sở của những biện pháp độc quyền nhà nước trong kinh tế là sự thay đổi các quan hệ sở hữu. Nó biểu hiện không những ở chỗ sở hữu nhà nước tăng lên mà cả ở sự tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu nhà nước và sở hữu độc quyền tư nhân, hai loại sở hữu này đan kết với nhau trong quá trình chu chuyển của tổng tư bản xã hội.

Sở hữu nhà nước hình thành dưới những hình thức 1) Xây dựng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn của ngân sách. 2) Quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân bằng cách mua lại. 3) Nhà nước mua cổ phiếu của các doanh nghiệp tư nhân. 4) Mở rộng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn tích lũy của các doanh nghiệp tư nhân.

### **c. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản**

Một trong những hình thức biểu hiện quan trọng của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự điều tiết quá trình kinh tế. Hệ thống điều tiết của nhà nước tư sản hình thành một tổng thể những thiết chế và thể chế kinh tế của nhà nước. Nó bao gồm bộ máy quản lý gắn với hệ thống chính sách, công cụ có khả năng điều tiết sự vận động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội.

Các chính sách kinh tế của nhà nước tư sản là sự thể hiện rõ rệt nhất sự điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chẳng bao gồm nhiều lĩnh vực như chính sách chống khủng hoảng chu kỳ, chống lạm phát, chính sách về tăng trưởng kinh tế, chính sách xã hội, chính sách kinh tế đối ngoại

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN**

### **1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội**

---

<sup>9</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.31, tr.275

Chủ nghĩa tư bản phát triển qua hai giai đoạn, từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền mà nấc thang tốt cùng của nó là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Trong suốt quá trình phát triển, chủ nghĩa tư bản đó có những mặt tích cực đối với phát triển sản xuất. Đó là

- 1) chuyển nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn hiện đại.
- 2) Phát triển lực lượng sản xuất. Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đó làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao
- 3) Thực hiện xã hội hoá sản xuất. Chủ nghĩa tư bản đó thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát triển mạnh và đạt tới mức điển hình nhất trong lịch sử, cùng với nó là quá trình xã hội hoá sản xuất cả về chiều rộng và chiều sâu.

V.I.Lênin nhận xét, sự phát triển nhanh chóng và sự trì trệ thối nát là hai xu thế cùng song song tồn tại trong nền kinh tế của chủ nghĩa đế quốc. Đó chính là một biểu hiện quan trọng thuộc bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Sự tồn tại song song của hai xu thế trong chủ nghĩa tư bản một mặt nói lên rằng chủ nghĩa tư bản ngày nay vẫn còn sức sống, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn có thể tự điều chỉnh và trong giới hạn nhất định nó còn có thể thích ứng với nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy xã hội tư bản chủ nghĩa đang vấp phải những giới hạn nhất định, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày nay vẫn chưa giải quyết được.

## **2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản**

Bên cạnh mặt tích cực nói trên, trong quá trình phát triển, chủ nghĩa tư bản đó gây ra những hậu quả nặng nề cho loài người; hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu và hàng trăm cuộc chiến tranh cục bộ khác; chạy đua vũ trang và ô nhiễm môi trường; nạn đói nghèo và bệnh tật của hàng trăm triệu người, nhất là ở các nước chậm phát triển. Mặc dù chủ nghĩa tư bản ngày nay đó có điều chỉnh nhất định trong quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn này.

Mâu thuẫn cơ bản nói trên biểu hiện thành những mâu thuẫn cụ thể sau đây

- a) Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động thể hiện ở sự phân cực giàu - nghèo và tình trạng bất công xã hội tăng lên.
- b) Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay, mâu thuẫn này đang chuyển thành mâu thuẫn giữa các nước chậm phát triển bị lệ thuộc với những nước đế quốc thành mâu thuẫn giữa các nước và tầng lớp thượng lưu giàu có ở phương Bắc với các nước và tầng lớp nghèo khổ ở phương Nam.

c) Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, chủ yếu là giữa ba trung tâm kinh tế, chính trị hàng đầu của thế giới tư bản, giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia.

d) Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội

Mâu thuẫn này là mâu thuẫn xuyên suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng bản chất thời đại không hề thay đổi

Chủ nghĩa tư bản ngày nay- với những thành tựu đáng kể của nó, là sự chuẩn bị tốt nhất những điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải thông qua cuộc cách mạng xã hội.

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước?
2. Tại sao nói chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn độc quyền là chủ nghĩa tư bản của tư bản tài chính?
3. Sự biểu hiện hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn độc quyền chủ nghĩa tư bản?
4. Phân tích nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước có những biểu hiện chủ yếu nào?
5. Phân tích vai trò và giới hạn của chủ nghĩa tư bản?



**PHẦN THỨ III**

**LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Trên cơ sở học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là học thuyết giá trị thặng dư, “Mác đó hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại mà kết luận rằng xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xã hội hóa lao động, ngày càng tiến nhanh thêm dưới muôn vàn hình thức ..., đó biểu hiện đặc biệt rõ ràng ở sự phát triển của đại công nghiệp, (...), đây là cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời không thể tránh khỏi của chủ nghĩa xã hội. Động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó, lực lượng thể chất thi hành sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản, giai cấp đó được bản thân chủ nghĩa tư bản rèn luyện. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và nội dung của những hình thức này ngày càng phong phú, - nhất định biến thành một cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản nhằm giành chính quyền (chuyên chính vô sản)”<sup>10</sup>.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin sử dụng hai thuật ngữ là “chủ nghĩa xã hội khoa học” và “chủ nghĩa cộng sản khoa học”; về cơ bản, hai thuật ngữ này thống nhất với nhau về ý nghĩa và hiện nay, chúng ta dùng thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội khoa học”. Khái niệm chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa rộng hơn khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa xã hội được hiểu theo các nghĩa 1) Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là những nhu cầu và hoạt động thực tiễn của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất ngày càng xã hội hoá và thực thi dân chủ vì quyền lực và lợi ích của mình (do và vì số đông). 2) Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công; đòi lại quyền dân chủ- là quyền lực đích thực của nhân dân, để nhân dân được hoàn toàn giải phóng. 3) Chủ nghĩa xã hội với tư cách là ước mơ, lý tưởng của nhân dân lao động về một xã hội không có chế độ tư hữu, giai cấp, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, chiến tranh và mọi tội ác; nhân dân được giải phóng và có quyền dân chủ- quyền lực của dân (ước mơ này xuất hiện sau khi các cuộc khởi nghĩa của nô lệ chống chủ nô bị thất bại). 4) Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là các tư tưởng, lý luận, học thuyết về giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi chế độ tư hữu, áp bức bóc lột, bất công nghèo nàn, lạc hậu; về xây dựng xã hội mới, trong đó nhân dân làm chủ chế độ công hữu, không giai cấp, không áp bức bóc lột, bất công, không chiến tranh- một xã hội dân chủ, văn minh, hạnh phúc (ý nghĩa này phản ánh lịch sử nhân loại từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX, trong đó có chủ nghĩa xã hội khoa học). 5) Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là một chế độ xã hội do nhân dân lao động dựng lên trên thực tế dưới sự lãnh đạo

---

<sup>10</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.26, tr.86-87

của đảng giai cấp công nhân. 6) Chủ nghĩa xã hội khoa học là khái niệm dùng để chỉ môn khoa học lý luận chính trị xã hội định hướng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân trên thực tế. Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dựa vào cơ sở lý luận của triết học và kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải sứ mệnh lịch sử toàn thế giới giải phóng con người, giải phóng xã hội của giai cấp công nhân; quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa xã hội khoa học, “giai cấp công nhân” và “sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” là những phạm trù cơ bản nhất. Theo nghĩa rộng, chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác-Lênin. Bởi suy cho cùng, cả triết học và kinh tế chính trị Mác-Lênin đều luận chứng cho sự tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa; xây dựng hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa. Luận chứng cho sứ mệnh của người lãnh đạo, tổ chức, cùng nhân dân lao động thực hiện cuộc cách mạng triệt để đó. Bởi vậy, chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng, là thực chất và mục đích của chủ nghĩa Mác-Lênin.

## **CHƯƠNG 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Qua nghiên cứu và phân tích phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới, C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập ra chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư và từng bước luận giải và trả lời một cách khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra. Trên cơ sở đó các ông đó sáng lập ra học thuyết sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong chủ nghĩa đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đó khẳng định tính tất yếu của sự diệt vong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa thông qua thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân. Cách mạng xã hội chủ nghĩa khác về chất so với tất cả các cuộc cách mạng khác trong lịch sử, nó xoá bỏ hoàn toàn chế độ áp bức, bóc lột, bất công để từng bước xây dựng hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa. Thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao.

### **I. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

#### **1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó**

##### **a. Khái niệm giai cấp công nhân**

Khi nghiên cứu về sự ra đời của giai cấp công nhân C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ “Vấn đề là ở chỗ tìm hiểu xem giai cấp vô sản thực ra là gì, và phù hợp với tồn tại ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử”<sup>11</sup>.

Tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển, nền công nghiệp tư bản quy định bản chất và quan hệ của giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

Ở giai đoạn công trường thủ công tư bản chủ nghĩa. Đội ngũ công nhân đó hình thành nhưng chưa ổn định do tính chất lao động thủ công cá thể, ít nhiều công nhân vẫn cũng có tư liệu sản xuất, họ cũng có khả năng rời bỏ công trường thủ công để tiến hành sản xuất độc lập. Chính vì vậy, đội ngũ công nhân cũng hạn chế về số lượng và chất lượng, quan hệ giữa công nhân và nhà tư sản lằng lếu. Điều này được C.Mác và Ph.Ăngghen nhận định “Trong công trường thủ công và trong nghề nghiệp thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình, cũng trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc”<sup>12</sup>. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển với sự ra đời của công nghiệp cơ khí tư bản chủ nghĩa, năng suất lao động cao đó giáng đòn quyết định và khẳng định sự chiến thắng hoàn toàn đối với chế độ phong kiến. Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, khi đánh giá sứ mệnh lịch sử của giai cấp tư sản, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ “**Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đó tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại**”<sup>13</sup>. Nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa một mặt “làm phá sản tất cả các tầng lớp dân cư”, làm họ mất hết tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản; mặt khác do sự phát triển của máy móc và phân công lao động, người công nhân mất hết tính độc lập và trở thành vật phụ thuộc vào máy móc. Nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa đó tạo ra giai cấp công nhân và nó không ngừng lớn mạnh- giai cấp công nhân hiện đại đó là giai cấp của những công nhân làm thuê vì mất hết tư liệu sản xuất của bản thân, buộc phải bán sức lao động của mình để sinh sống.

Ở giai đoạn công nghiệp hiện đại hiện nay, sự phát triển của công nghệ kỹ thuật cao trên toàn cầu, nhân loại đó đạt bước tiến trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ năng lượng, công nghệ vật liệu mới v.v xuất hiện làm cho cơ cấu ngành nghề của giai cấp công nhân thay đổi lớn. Ngoài công nhân lao động trong nền công nghiệp cơ khí, cũng xuất hiện công nhân lao động trong các lĩnh vực trên, làm cho giai cấp công nhân không ngừng vận động, biến đổi cả về số lượng và chất lượng. Giai cấp công nhân

---

<sup>11</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.2, tr.56

<sup>12</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.20, tr.388-389

<sup>13</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.4, tr.603

ngày càng được trí thức hoá và trở thành lực lượng vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Hai đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân.* Mặc dù trải qua các giai đoạn phát triển của công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có những biến đổi và tên gọi rất khác nhau nhưng C.Mác và Ph.Ăngghen tập trung làm rõ hai thuộc tính của giai cấp công nhân.

1) Về phương thức lao động và phương thức sản xuất, giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp, ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao.

2) Về vị trí của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

Căn cứ vào hai thuộc tính trên, chúng ta có thể phân biệt giai cấp công nhân với những người không phải là giai cấp công nhân. Ở các nước đó thực hiện thành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa giành chính quyền, đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân là những người làm chủ tư liệu sản xuất, là giai cấp cầm quyền, lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*Định nghĩa giai cấp công nhân.* Dựa trên hai tiêu chí cơ bản để phân biệt giai cấp công nhân với giai cấp của những người lao động khác trong xã hội tư bản chủ nghĩa, có nhiều định nghĩa khác nhau về giai cấp công nhân. Ph.Ăngghen định nghĩa “*Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán sức lao động của mình, chứ không phải sống bằng lợi nhuận của bất cứ tư bản nào, đó là một giai cấp mà hạnh phúc và đau khổ, sống và chết, toàn bộ sự sống cũng của họ đều phụ thuộc vào số cầu về lao động, tức là vào tình hình chuyển biến tốt hay xấu của công việc làm ăn, vào những biến động của cạnh tranh không gì ngăn cản nổi*”.

### **b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Để hiểu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết cần tìm hiểu sứ mệnh lịch sử của một giai cấp nói chung.

*Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.* Trong tiến trình vận động và phát triển của xã hội loại người từ khi xuất hiện giai cấp đến nay, luôn xuất hiện các cuộc đấu tranh giai cấp. V.I.Lênin đánh giá cao vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập và chỉ rõ “*Điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa*”<sup>14</sup>.

---

<sup>14</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.23, tr.1

Khác với sứ mệnh lịch sử của các giai cấp khác trong lịch sử, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một quá trình đấu tranh khó khăn, lâu dài, và sáng tạo trải qua nhiều giai đoạn. 1) Giai cấp công nhân phải lật đổ sự thống trị của giai cấp bóc lột, giành lấy chính quyền, tổ chức thành giai cấp thống trị. 2) Giai cấp công nhân sử dụng chính quyền của mình tiến hành cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới.

## **2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

### **a. Địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa**

Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất cấu thành lực lượng sản xuất trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Giai cấp này đại diện cho lực lượng sản xuất có trình độ xã hội hoá ngày càng cao

Giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất dựa trên chế độ sở hữu xã hội không có bóc lột, nên lợi ích của họ căn bản phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng lao động bị bóc lột.

### **b. Những đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân**

*Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất trong thời đại ngày nay. Giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại, ngày càng phát triển cả về số lượng*

*Giai cấp công nhân là giai cấp có tính thần cách mạng triệt để.*

*Giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Chính nền sản xuất xã hội hoá cao đó rèn luyện cho giai cấp công nhân ý thức tổ chức kỷ luật cao, thể hiện ở lao động đóng giờ, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật của nhà máy, xí nghiệp v.v.*

*Giai cấp công nhân là giai cấp có bản chất quốc tế. Vì vậy muốn giành thắng lợi, giai cấp công nhân buộc phải đoàn kết và hợp tác quốc tế mới chiến thắng kẻ thù.*

## **3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là do địa vị kinh tế-xã hội quy định; nhưng để chuyển khả năng khách quan đó thành hiện thực, cần thông qua nhân tố chủ quan. Nhân tố chủ quan đó là đảng cộng sản

### **a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân**

Đảng Cộng sản là đội tiên phong, là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản lấy chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Có áp bức giai cấp thì tất yếu dẫn đến đấu tranh giai cấp. Ngay từ khi mới ra đời giai cấp công nhân đó tiến hành những cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột của giai cấp tư sản

Sự phát triển của phong trào công nhân ngày càng mở rộng, phát triển từ thấp đến cao đòi hỏi phải có lý luận tiên tiến dẫn đường và tổ chức tiên phong lãnh đạo. Chủ nghĩa Mác ra đời đó đáp ứng được đòi hỏi của phong trào công nhân, xâm nhập vào phong trào công nhân. Như vậy, Đảng cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Do vậy, chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân và phong trào của những người lao động bị áp bức bóc lột dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản.

**b. Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân**

Lịch sử chứng minh rằng không một giai cấp nào giữ vai trò thống trị, lãnh đạo xã hội mà không thông qua chính đảng của mình. Đối với giai cấp công nhân, trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình phải thành lập Đảng Cộng sản. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội của Đảng Cộng sản, là nguồn gốc bổ sung lực lượng cho Đảng Cộng sản.

**c. Vai trò của Đảng Cộng sản**

Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng Cộng sản là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhờ có lý luận tiên phong của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng Cộng sản đó vận dụng vào điều kiện có thể đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, sách lược, nhiệm vụ của quá trình cách mạng càng như của từng giai đoạn cách mạng.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động có sự thống nhất về tư tưởng và hành động, tập trung sức mạnh giai cấp và sức mạnh của dân tộc để tạo động lực cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

**4. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam**

**a. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam**

Giai cấp công nhân Việt Nam là một bộ phận của giai cấp công nhân quốc tế; có địa vị kinh tế-xã hội và mang đầy đủ những đặc điểm của giai cấp công nhân, ngoài ra giai cấp công nhân Việt Nam cũng có những đặc điểm riêng do hoàn cảnh lịch sử nước ta quy định. 1) Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong một dân tộc có truyền thống yêu nước đấu tranh kiên cường bất khuất nên luôn mang trong mình truyền thống đấu tranh tốt đẹp đó. 2) Xuất thân từ nông dân nên có quan hệ máu thịt với nông dân, sớm xây dựng khối liên minh công nông trí thức tạo nên sức mạnh chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và thực dân xâm lược. 3) Giai cấp công nhân Việt Nam sớm tiếp thu lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin để thành lập Đảng Cộng sản- đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. 4) Do xuất thân từ nông dân, gắn liền với nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu nên giai cấp công nhân Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề tâm lý, tập quán ... 5) Không có điều kiện lao động và tiếp cận với nền sản xuất công nghiệp hiện đại v.v.

**b. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam**

Sau khi ra đời và sớm có chính Đảng tiên phong, giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, phát huy sức mạnh của dân tộc và sức mạnh giai cấp đưa cách mạng dân tộc dân chủ đến thắng lợi.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng để hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đưa nước ta tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

**II. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những nguyên nhân của nó**

**a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

Theo nghĩa hẹp, cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng chính trị, kết thúc bằng việc giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập được nhà nước chuyên chính vô sản- nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình hoàn thiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, được tiến hành qua hai giai đoạn gồm giai đoạn giai cấp công nhân giành chính quyền, tổ chức thành giai cấp thống trị và giai đoạn giai cấp công nhân sử dụng chính quyền để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

**b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

*Nguyên nhân khách quan.* Cũng như mọi cuộc cách mạng xã hội khác đó diễn ra trong lịch sử, cách mạng xã hội chủ nghĩa là kết quả tất yếu của sự phát triển những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản.

*Nguyên nhân chủ quan.* Nguyên nhân khách quan chỉ đóng vai trò là điều kiện cần, để cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra cần phải kết hợp với nhân tố chủ quan- đó là nhận thức của giai cấp công nhân và việc nắm bắt tình thế, thời cơ cách mạng để tổ chức tiến hành cách mạng.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa không diễn ra tự phát, mà là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại sự thống trị của giai cấp tư sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

**2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

**a. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Mục tiêu của các cuộc cách mạng nổ ra trước cách mạng xã hội chủ nghĩa là giành chính quyền về tay thiểu số giai cấp thống trị; thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác cao hơn.

Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phóng giai cấp bị áp bức, bóc lột, nô dịch; đồng thời giải phóng xã hội khỏi sự trì trệ để tiếp tục phát triển lên con đường tiến bộ, văn minh. Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đó dựa trên chủ nghĩa nhân đạo triệt để để đề ra mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi nào thực hiện thành công chủ nghĩa cộng sản thì con người được giải phóng hoàn toàn.

### **b. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa mang tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động ra khỏi tình trạng áp bức bóc lột, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân lao động

*Giai cấp công nhân* là động lực chủ yếu, giữ vai trò tổ chức lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa do địa vị kinh tế-xã hội và đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa quy định. Chính vì vậy, chỉ có giai cấp công nhân mới là giai cấp tổ chức, lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi.

*Giai cấp nông dân* là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp v.v trực tiếp sử dụng một tư liệu sản xuất cơ bản, đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản. Phương thức sản xuất của nông dân phân tán, kỹ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp, gặp nhiều rủi ro hơn so với sản xuất công nghiệp của giai cấp công nhân.

*Giai cấp nông dân* vừa là những người lao động sản xuất vật chất, vừa là người tư hữu nhỏ. Chính hai mặt này làm cho giai cấp công nhân gặp nhiều hạn chế, khắc phục được hai mặt này cần phải tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá lâu dài, cải biến trên nhiều lĩnh vực

*Tầng lớp trí thức* là lực lượng quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa; là những người lao động trí óc phức tạp và sáng tạo, có trình độ học vấn đủ am hiểu và hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực lao động phức tạp của mình.

Trong các chế độ tư hữu, bóc lột, đại đa số trí thức là những người lao động bị áp bức bóc lột. Vì thế, trí thức gắn bó với nhân dân, với dân tộc, luôn đấu tranh cho một xã hội hoà bình, dân chủ, bình đẳng, tiến bộ.

### **c. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, diễn ra trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội mà chủ yếu là trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá tư tưởng v.v.

*Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị.* Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị trước hết giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành lật đổ



sự thống trị của giai cấp bóc lột, giành chính quyền, thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; tạo tiền đề và điều kiện đưa quần chúng nhân dân lao động từ địa vị nô lệ, làm thuê, bị bóc lột lên địa vị làm chủ xã hội mới.

*Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế.* Khác với các cuộc cách mạng khác, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế nhằm thay đổi vị trí, vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất bằng cách xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất; thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa trong những hình thức thích hợp, gắn người lao động với tư liệu sản xuất, thay đổi điều kiện sống và điều kiện làm việc của nhân dân lao động.

*Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng.* Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng nhân dân lao động về mặt tinh thần xã hội, dưới chủ nghĩa xã hội giai cấp công nhân và nhân dân lao động không chỉ làm chủ tư liệu sản xuất mà cũng sáng tạo

Ba nội dung trên có mối liên hệ biện chứng với nhau. Do vậy, muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình giai cấp công nhân phải thực hiện đồng bộ cả ba nội dung trên, không nên xem nhẹ hoặc quá đề cao một trong ba nội dung dẫn đến sai lầm, thất bại.

### **3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa**

#### **a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân**

*Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.* Liên minh công nông là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa, có ý nghĩa quyết định tới sự thành bại toàn bộ tiến trình cách mạng của giai cấp công nhân

*Cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.* 1) Liên minh công nông là nhu cầu nội tại của cách mạng xã hội chủ nghĩa 2) Liên minh công nông xuất phát từ mối liên hệ tự nhiên gắn bó và sự thống nhất lợi ích cơ bản của các giai cấp, tầng khác. 3) Liên minh công nông là do sự gắn bó thống nhất giữa sản xuất vật chất với khoa học kỹ thuật trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học- công nghệ hiện đại, công nhân, nông dân dần được trí thức hoá.

#### **b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân**

*Nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.* Liên minh công nông nhằm giải quyết nhu cầu, lợi ích chính trị cơ bản của công nhân, nông dân và của cả dân tộc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Một số giải pháp hiện thực hóa nguyên tắc trên để tăng cường liên minh công nông.

1) Liên minh về chính trị. Phát triển kinh tế, thực hiện tốt công tác xoá đói, giảm nghèo, tạo cơ sở để nhân dân quan tâm đến chính trị

2) Liên minh về kinh tế. Liên minh công nông trên lĩnh vực kinh tế nhằm thoả mãn nhu cầu của mỗi giai cấp, khơi dậy và phát huy nội lực, sức mạnh của giai cấp công nhân, nông dân quá trình sản xuất lưu thông, trao đổi hàng hoá, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển

3) Liên minh về văn hoá-xã hội. Trên lĩnh vực văn hoá- xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng các chuẩn mực xã hội trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Những nguyên tắc cơ bản chung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân là*

1) Phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh công nông.

2) Phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện

3) Phải biết kết hợp các lợi ích của cả hai giai cấp.

### **III. HÌNH THÁI KINH TẾ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA**

#### **1. Xu thế tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa**

C.Mác và Ph.Ăngghen đó vận dụng triết để quan niệm duy vật về lịch sử để nghiên cứu xã hội loài người để từ đó xây dựng học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích sâu sắc chủ nghĩa tư bản và chỉ ra những mặt tích cực và những hạn chế mà chủ nghĩa tư bản không tự khắc phục được

Có thể nói cơ sở thực tiễn cho việc dự báo xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất

Có thể định nghĩa khái quát hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa là chế độ xã hội phát triển cao nhất; có quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu công về tư liệu sản xuất, phù hợp với lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, tạo thành cơ sở hạ tầng có trình độ cao hơn cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa tư bản; có kiến trúc thượng tầng tương ứng thực sự là của nhân dân với trình độ xã hội hoá ngày càng cao.

Định nghĩa trên cho thấy hình thái kinh tế-xã hội chủ nghĩa có những nội dung

1) Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa là chế độ xã hội phát triển cao nhất trong lịch sử loài người.

2) Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa có quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất

3) Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa tạo thành cơ sở hạ tầng có trình độ cao hơn cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa tư bản

4) Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa có kiến trúc thượng tầng thực sự là của nhân dân lao động với trình độ xã hội hoá ngày càng cao

## **2. Điều kiện ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa**

Sự thay thế lẫn nhau giữa các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên Trên cơ sở đó, chúng ta có thể chia thành hai điều kiện để đi tới chủ nghĩa cộng sản.

### **a. Điều kiện cơ bản cho sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản phát triển**

Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hoá ngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất

Trong xã hội tư bản, biểu hiện mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lĩnh vực xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản- đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến với giai cấp tư sản- đại biểu cho quan hệ sản xuất lạc hậu, lỗi thời trở nên gay gắt, quyết liệt

Mặc dù chủ nghĩa tư bản đã đạt được những thành tựu đáng kể về kinh tế-xã hội; nhưng trên mỗi bước phát triển của nó kèm theo những tai họa như chiến tranh, tội ác, huỷ hoại môi trường thiên nhiên, phân biệt chủng tộc, lối sống phản văn hoá, suy đồi đạo đức v.v.

Nhận thức của giai cấp công nhân và vai trò của đảng cộng sản trong quá trình giác ngộ cách mạng cho giai cấp công nhân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày càng cao.

### **b. Điều kiện cơ bản để các nước tư bản trung bình và các nước chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa cộng sản**

Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; việc xâm lược, áp bức và đô hộ, khai thác thuộc địa, vơ vét tài nguyên ở nhiều quốc gia gây ra nhiều mâu thuẫn gay gắt.

Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân phải được Đảng Cộng sản truyền bá rộng rãi, thức tỉnh phong trào yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa tạo nên sự trưởng thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

## **3. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa**

Dựa vào sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng của hình thái kinh tế-xã hội.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, chủ nghĩa xã hội, “Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đó phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội về mọi phương diện- kinh tế, đạo đức, tinh thần- cũng mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đó lột lòng ra”<sup>15</sup>, Theo V.I.Lênin, hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa gồm (I) Những cơn đau đẻ kéo dài; (II) Giai

---

<sup>15</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.9, tr.33

đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa và (III) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa<sup>16</sup>. Như vậy, hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa có thể chia thành ba thời kỳ.

**a. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thời kỳ quá độ này có thể phân thành bốn giai đoạn phát triển là

- 1) Giai đoạn từ năm 1917-1945- giai đoạn thắng lợi của giai cấp vô sản Nga, mở đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- 2) Giai đoạn từ năm 1945-1970- giai đoạn hình thành, tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa
- 3) Giai đoạn từ năm 1970-1990- giai đoạn hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực mô hình xôviết ở các nước đông Âu và Liên Xô
- 4) Giai đoạn hiện nay là giai đoạn thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

*Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

- 1) Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khác nhau về chất; thể hiện ở hình thức sở hữu tư liệu sản xuất.
- 2) Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao
- 3) Cần có thời gian để xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa
- 4) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp; giai cấp công nhân có thời gian để hoàn thành.

*Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.* Đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là tồn tại những yếu tố của xã hội tư bản với những yếu tố mới của xã hội xã hội chủ nghĩa

Trong lĩnh vực kinh tế, là sự duy trì và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, bên cạnh các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng có các thành phần kinh tế khác như kinh tế gia trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản nhà nước

Trong lĩnh vực chính trị. Nhà nước chuyên chính vô sản mới ra đời và ngày càng hoàn thiện là công cụ để giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước

Trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá, có sự tồn tại đan xen và đấu tranh lẫn nhau giữa tư tưởng của giai cấp công nhân với tư tưởng cũ rất phức tạp phá hoại đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân

---

<sup>16</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.33, tr.223

## **Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng – Khoa Lý Luận Chính Trị**

---

*Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ đấu tranh giữa giai cấp công nhân liên minh với các tầng lớp lao động khác đó giành được chính quyền nhà nước đang thực hiện nhiệm vụ đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội*

*Nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

1) Trong lĩnh vực kinh tế, sắp xếp lại lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản để lại nhằm tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội

2) Trong lĩnh vực chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa vững mạnh để thực hiện vai trò chuyển chính và xây dựng xã hội mới

3) Trong lĩnh vực xã hội, khắc phục những tệ nạn do xã hội cũ để lại, ngăn ngừa và đề phòng những tệ nạn xã hội mới phát sinh để từng bước thực hiện bình đẳng xã hội

4) Trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin; kế thừa biện chứng văn hóa cũ, xây dựng nền văn hóa vô sản tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

*Các hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp, “thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”<sup>17</sup>.*

Hình thức quá độ trực tiếp là hình thức quá độ từ các nước tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

Hình thức quá độ gián tiếp là hình thức quá độ từ các nước tư bản trung bình và các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

### **b. Thời kỳ chủ nghĩa xã hội**

Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển lịch sử lâu dài trên con đường giải phóng hoàn toàn về kinh tế, chính trị, văn hóa cho con người

*Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội*

1) Cơ sở vật chất của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp cơ khí

2) Chủ nghĩa xã hội xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, nhưng không xoá bỏ chế độ tư hữu nói chung; thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

3) Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra được cách tổ chức, phân công và quản lý lao động tự giác; kỷ luật lao động cao.

4) Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.

5) Xã hội xã hội chủ nghĩa có nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

---

<sup>17</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.38, tr.464

6) Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội đó thực hiện được sự giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột; thực hiện bình đẳng xã hội, tạo điều kiện cho con người được phát triển toàn diện.

**c. Thời kỳ chủ nghĩa cộng sản**

Chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

Trong lĩnh vực kinh tế, Lực lượng sản xuất phát triển cao nhất trong lịch sử

Trong lĩnh vực xã hội, con người có đầy đủ điều kiện phát triển khả năng của mình

Sự phân tích của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về chủ nghĩa cộng sản cho chúng ta thấy

**1)** Giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ xuất hiện khi đó đạt được những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định. **2)** Sự xuất hiện của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa là quá trình lâu dài. **3)** Quá trình xuất hiện của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước diễn ra tùy thuộc vào sự phát triển của các lĩnh vực trong đời sống xã hội của các nước đó.

**Câu hỏi ôn tập**

1. Khái niệm giai cấp công nhân? Nội dung và điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

2. Quy luật hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản và vai trò của nó trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó?

4. Nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa?

5. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân?

6. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân?

7. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

8. Tính tất yếu, đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

**CHƯƠNG 8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là tiến trình lịch sử lâu dài, khó khăn và gian khổ với mục đích cuối cùng là bảo đảm cho sự thành công của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong tiến trình đó, các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng văn hóa v.v cần phải được nhận thức và giải quyết từ thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật; cần phải vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào các điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc trong những giai đoạn nhất định của lịch sử. Đó là những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**I. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**1. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

**a. Khái niệm Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được, thì nhà nước xuất hiện.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức mà thông qua đó, Đảng cộng sản thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với xã hội

Chính vì vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân; thể hiện qua chức năng thống trị giai cấp và chức năng xã hội.

**b. Đặc trưng, chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

*Đặc trưng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.* Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, bất kỳ nhà nước nào cũng có các đặc trưng cơ bản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng có những đặc trưng riêng của nó.

1) Nhà nước xã hội chủ nghĩa không phải là công cụ để đàn áp một giai cấp nào đó, mà là công cụ thực hiện lợi ích cho tất cả những người lao động; nhưng vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó đối với nhà nước vẫn được duy trì

2) Nhà nước xã hội chủ nghĩa có đặc trưng về nguyên tắc khác hẳn với Nhà nước tư sản. Càng là công cụ của chuyên chính giai cấp, nhưng vì lợi ích của tất cả những người lao động, tức tuyệt đại đa số nhân dân

3) Trong khi nhấn mạnh sự cần thiết của bạo lực trấn áp, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn coi mặt tổ chức xây dựng là đặc trưng cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

4) Nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ.

5) Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước đặc biệt, “nhà nước không cũng nguyên nghĩa”, là nhà nước “nửa nhà nước”. Sau khi cơ sở kinh tế-xã hội cho sự tồn tại của nhà nước mất đi, thì nhà nước càng không cũng, nhà nước “tự tiêu vong”. Đây càng là đặc trưng nổi bật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

*Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.* Với những đặc trưng trên, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở việc quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện *hai chức năng*

- 1) Chức năng tổ chức, xây dựng
- 2) Chức năng bạo lực trấn áp nhằm chống lại sự phản kháng của kẻ thù giai cấp, chống lại công cuộc tổ chức, xây dựng xã hội mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- 3) Ngoài hai chức năng cơ bản trên, Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng có chức năng đối ngoại nhằm mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì sự phát triển và tiến bộ xã hội đối với nhân dân các nước trên thế giới.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa có *những nhiệm vụ chính* là quản lý đất nước trên tất cả các lĩnh vực.

### **c. Tính tất yếu của việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

Tổng kết kinh nghiệm lịch sử của các cuộc cách mạng xã hội, chủ nghĩa Mác- Lênin chỉ ra vấn đề nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa càng là vấn đề cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một trong những thiết chế quan trọng bậc nhất của quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Tính tất yếu phải có Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng được luận giải bằng thực tiễn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 1) Trong thời kỳ này, các giai cấp bóc lột tuy đã bị xóa bỏ về phương diện chính trị, nhưng chưa bị xoá bỏ hoàn toàn về mặt giai cấp. 2) Trong thời kỳ quá độ còn có các giai cấp, tầng lớp trung gian khác. Do địa vị kinh tế-xã hội của mình, các giai cấp, tầng lớp này không thể tự mình đi lên chủ nghĩa xã hội.. 3) Để mở rộng dân chủ, chống lại mọi hành vi ngược lại những chuẩn mực dân chủ, vi phạm những giá trị dân chủ của nhân dân, càng đòi hỏi phải có một thiết chế nhà nước phù hợp.

## **2. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**



**a. Quan niệm về dân chủ và nền dân chủ**

*Quan niệm về dân chủ.* Dân chủ và thực hiện dân chủ là nhu cầu khách quan của con người. Ngay từ xã hội nguyên thủy, việc cử ra và phế bá người đứng đầu là do quyền lực của nhân dân. Như vậy, ngay từ buổi sơ khai của lịch sử nhân loại, dân chủ được hiểu là quyền lực thuộc về nhân dân. Thuật ngữ “dân chủ” mới chính thức sử dụng. Nó được ghép từ hai từ trong tiếng Hy Lạp cổ (thế kỷ VIII tr.c.n) là “demos” nghĩa là dân và “kratos” nghĩa là quyền lực với nghĩa, dân chủ là quyền lực nhân dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực. Như vậy, dân chủ là một khái niệm mang ý nghĩa chính trị, tuy đã có mầm mống trong xã hội nguyên thủy, nhưng nó chỉ xuất hiện với ý nghĩa đầy đủ như một chế độ chính trị trong xã hội có giai cấp và nhà nước.

Chủ nghĩa Mác-Lênin nêu những quan niệm chính về dân chủ

1) Dân chủ là sản phẩm tiến hóa của lịch sử xã hội loài người; là nhu cầu khách quan của con người. Với tư cách là quyền lực của nhân dân, dân chủ là sự phản ánh những giá trị nhân văn; là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công và bóc lột

2) Dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị, gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có dân chủ phi giai cấp, dân chủ chung chung.

3) Dân chủ cũng là sản phẩm của quá trình vươn lên của con người trong quá trình làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân

*Quan niệm về nền dân chủ.* V.I.Lênin cho rằng “Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên, càng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta”<sup>18</sup>..

Chính vì vậy, kể từ khi nền dân chủ ra đời thì dân chủ trở thành một phạm trù lịch sử, phạm trù chính trị.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ mà ở đó, những giá trị dân chủ, quyền lực của nhân dân được thể chế hoá thành pháp luật, thành hệ thống chính trị, thành nguyên tắc, mục tiêu của sự phát triển.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được hình thành sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phương diện chính trị và nó được hoàn thiện từng bước phù hợp với sự phát triển kinh tế, chính trị và văn hoá - xã hội của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có thực sự khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng đầy đủ.

**b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

1) Với tư cách là một chế độ nhà nước được sáng tạo bởi quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo mọi quyền lực thuộc về

---

<sup>18</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.33, tr.123

giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

2) Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Chế độ sở hữu đó phù hợp với quá trình xã hội hoá ngày càng cao của sản xuất

3) Trên cơ sở sự kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

4) Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp của giai cấp công nhân - dân chủ đi đôi với kỷ cương, kỷ luật, với trách nhiệm của công dân trước pháp luật.

### **c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, mục tiêu và động lực của quá trình phát triển xã hội, của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là dân chủ.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quy luật của sự hình thành và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quá trình tất yếu diễn ra nhằm xây dựng, phát triển, hoàn thiện dân chủ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa càng chính là quá trình vận động và thực hành dân chủ, biến dân chủ từ khả năng thành hiện thực trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, là quá trình đưa các giá trị, chuẩn mực, nguyên tắc của dân chủ vào thực tiễn xây dựng cuộc sống mới, chống các biểu hiện của dân chủ cực đoan, vô chính phủ, ngăn ngừa mọi hành vi coi thường kỷ cương, pháp luật.

## **II. XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

#### **a. Khái niệm văn hoá và nền văn hoá**

*Khái niệm văn hoá.* Văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình. Văn hoá là biểu hiện của trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.

Từ sự phân tích trên, khi tìm hiểu khái niệm văn hoá cần lưu ý

a) văn hoá là sáng tạo của con người, thuộc về con người

b) văn hoá xuất hiện là do sự thích nghi một cách chủ động và có ý thức của con người với tự nhiên, là sự thích nghi có sáng tạo, phù hợp với chân, thiện, mỹ

c) văn hoá bao gồm cả những sản phẩm vật chất và tinh thần, chứ không chỉ riêng có tinh thần mà thôi.

d) Với tư cách là hoạt động tinh thần, thuộc về ý thức con người, nên sự phát triển của văn hoá bao giờ cũng chịu sự quy định của cơ sở kinh tế, chính trị của một xã hội nhất định. Chính vì vậy, văn hoá trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng mang tính giai cấp.

Vì vậy, bất kỳ nền văn hoá nào trong xã hội có giai cấp cũng đều mang dấu ấn của giai cấp thống trị xã hội đó.

### **b. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, bản chất của văn hoá là sáng tạo, là sự kết tinh năng lực bản chất con người. Văn hoá là phương thức bộc lộ, phát huy những năng lực bản chất con người gắn với những hoạt động sống của họ, làm cho con người trở nên tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn. Đến V.I.Lênin, tư tưởng đó đã được diễn đạt cô thể hơn khi ông đưa ra luận điểm về nền văn hoá xã hội chủ nghĩa do nhân dân lao động xây dựng “Văn hoá vô sản = chủ nghĩa cộng sản”<sup>19</sup>. Như vậy, xét trên phương diện chung nhất, chủ nghĩa Mác-Lênin quan niệm bản chất văn hoá xã hội chủ nghĩa chính là chủ nghĩa cộng sản, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa gắn liền với xây dựng xã hội cộng sản

Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là nền văn hoá được xây dựng và phát triển trên nền tảng kinh tế – chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trên cơ sở hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, do Đảng cộng sản lãnh đạo, nhằm thoả mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, đưa nhân dân lao động thực sự trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hoá.

### **c. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản sau

- 1) Tính đảng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa
- 2) Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.
- 3) Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa không hình thành và phát triển một cách tự phát, trái lại, nó phải được hình thành và xây dựng một cách tự giác, có sự quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản

## **2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa được xuất phát từ những căn cứ sau

---

<sup>19</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.51, tr.382

1) khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bị xoá bỏ, phương thức sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ra đời thì việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa càng đồng thời diễn ra nhằm thay đổi bản chất của ý thức xã hội, xây dựng ý thức xã hội mới phù hợp với sự thay đổi về chất đã tạo ra với việc xác lập quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

2) Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình cải tạo tâm lý, ý thức và đời sống tinh thần của chế độ cũ để lại nhằm giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng, ý thức của xã hội cũ lạc hậu

3) Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình nâng cao trình độ văn hoá cho quần chúng nhân dân lao động, khắc phục tình trạng thiếu hụt văn hóa.

4) Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là tất yếu xuất phát từ yêu cầu khách quan, văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội..

### **3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

#### **a. Những nội dung cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

1) Nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức của xã hội mới . Do đó, nâng cao dân trí là điều kiện không thể thiếu để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, để quần chúng có nhận thức đúng và tham gia trực tiếp vào quản lý nhà nước.

2) Xây dựng con người mới phát triển toàn diện. Con người là sản phẩm của lịch sử nhưng đồng thời con người càng chính là chủ thể quá trình phát triển của lịch sử.

3) Xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

4) Xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa. Nếu văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình, thì gia đình là một giá trị văn hoá của xã hội. .

Gia đình văn hoá xã hội chủ nghĩa được từng bước xây dựng cùng với tiến trình phát triển của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gia đình văn hoá là gia đình được xây dựng, tồn tại và phát triển trên cơ sở giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc

Gia đình văn hoá mới xã hội chủ nghĩa là gia đình tiến bộ, đánh dấu bước phát triển của các hình thức gia đình trong lịch sử nhân loại

#### **b. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa**

1) Giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong đời sống tinh thần của xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa là hoạt động có mục đích của giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng và phát triển hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa- hệ tư tưởng của giai cấp công nhân thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội.

2) Không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và vai trò quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hoá.

Đảng lãnh đạo xây dựng nền văn hoá bằng cương lĩnh, đường lối, chính sách văn hoá của mình và sự lãnh đạo của Đảng phải được thể chế hoá trong hiến pháp, pháp luật, chính sách. Nhà nước thực hiện quản lý văn hoá theo đúng các nguyên tắc, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản.

3) Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa phải theo phương thức kết hợp việc kế thừa những giá trị trong di sản văn hoá dân tộc với tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá của nhân loại.

4) Tổ chức và lôi cuốn quần chúng nhân dân vào các hoạt động và sáng tạo văn hoá.

### III. GIẢI QUYẾT ĐÓNG ĐẪN VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

#### 1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

##### a. Khái niệm dân tộc

Dân tộc là một hình thức tổ chức cộng đồng người có tính chất ổn định được hình thành trong lịch sử, là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội

Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác, Ph.Ăngghen cũng gọi những cộng đồng người chưa đạt đến hình thành nhà nước bằng thuật ngữ dân tộc “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng thuận lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh”<sup>20</sup>.

Bởi vậy, khái niệm dân tộc là một khái niệm đa nghĩa, đa cấp độ, được xác định tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Hiện nay có thể hiểu khái niệm dân tộc theo hai nghĩa dân tộc được hiểu là dân tộc-quốc gia với tư cách là một cộng đồng chính trị-xã hội rộng lớn và dân tộc được hiểu là cộng đồng dân tộc-tộc người.

Dân tộc-quốc gia là một cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, có chung một ngôn ngữ, một lãnh thổ, cùng chung một vận mệnh lịch sử, có những lợi ích chung (về kinh tế, chính trị), có chung nền văn hoá (thể hiện trong phong tục tập quán, tín ngưỡng, tâm lý, lối sống v.v)

---

<sup>20</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.4, tr.602

Dân tộc-tộc người là một cộng đồng người ổn định hoặc tương đối ổn định, có chung một ngôn ngữ, một nền văn hoá, có ý thức tự giác tộc người. Với ba tiêu chí này đã tạo ra sự ổn định trong mỗi dân tộc trong quá trình phát triển. Rà ràng là cả những khi có sự thay đổi về lãnh thổ hay thay đổi về phương thức sinh hoạt kinh tế, cộng đồng dân tộc vẫn tồn tại trên thực tế.

**b. Hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Khi nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan 1) Do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập 2) Xu hướng liên hiệp các dân tộc.

Sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cùng với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, là quá trình hình thành và phát triển của dân tộc xã hội chủ nghĩa. Dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội có sự vận động mới theo hướng ngày càng văn minh, tiến bộ.

**c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc**

Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc được thể hiện tập trung ở Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin.

1) Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

2) Các dân tộc được quyền tự quyết. Theo V.I.Lênin, đây là vấn đề đặt ra trước tiên khi người ta muốn nghiên cứu theo quan điểm mácxít về vấn đề dân tộc.

Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị tách ra thành một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc và càng bao gồm quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

3) Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của các Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

**2. Tôn giáo và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo**

**a. Khái niệm tôn giáo**

Trong Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen, C.Mác viết “Tôn giáo là sự tự ý thức và sự tự cảm giác của con người chưa tìm được bản thân mình hoặc đã lại để mất bản thân mình một lần nữa. Nhưng con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là thế giới con người, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo, tức thế giới quan lộn ngược, vì bản thân chúng là thế giới lộn ngược (...) Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, càng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”<sup>21</sup>.

Qua luận điểm này cần lưu ý một số vấn đề sau **1)** Tôn giáo không phải là cái tự có mà là sản phẩm của con người, tức xã hội con người, càng tức là phương thức tồn tại của con người. **2)** Song sự phản ánh đó chỉ là sự phản ánh phi lý tính, hoang đường, để rồi sau đó lấy cái phi lý, cái hoang đường làm chân lý, chuẩn mực, để giải thích hoặc chi phối cái hiện thực. **3)** Tôn giáo là sản phẩm của con người, nhưng không phải là con người cá nhân, riêng lẻ, mà là con người xã hội ( hay xã hội con người ), do đó tôn giáo là một hiện tượng xã hội. **4)** Xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực, nó vừa biểu thị sự phản kháng tiêu cực trước những nỗi khổ đau và bất hạnh của con người, vừa biểu thị sự nhẫn nhục, sự bất lực của con người trước những sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội.

Trong tác phẩm Chống Duyrinh, Ph.Ăngghen đã làm ra bản chất của tôn giáo trên cơ sở xem tôn giáo như là một hình thái ý thức xã hội “*Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo- vào trong đầu óc của con người- của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế*”<sup>22</sup>.

Như vậy, tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Xét về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực. Tuy nhiên, tôn giáo càng chứa đựng một số giá trị văn hoá phù hợp với đạo đức, đạo lý của xã hội. Chủ nghĩa Mác-Lênin và những người cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

**b. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội**

*Nguồn gốc của tôn giáo.* Theo V.I.Lênin, toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện tất yếu làm nảy sinh niềm tin tôn giáo là những nguồn gốc của tôn giáo. Từ quan điểm này có thể phân định nguồn gốc tôn giáo như sau

---

<sup>21</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.1, tr.569-570

<sup>22</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.20, tr.437-438

1) *Nguồn gốc kinh tế-xã hội.* Theo Ph.Ăngghen “tôn giáo sinh ra trong thời đại hết sức nguyên thủy, từ những khái niệm hết sức sai lầm, nguyên thủy của con người về bản chất của chính họ và về giới tự nhiên bên ngoài, xung quanh họ”<sup>23</sup>.

2) *Nguồn gốc nhận thức.* Ở những giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình là có giới hạn.

3) *Nguồn gốc tâm lý.* Đó là ảnh hưởng của yếu tố tâm lý đến sự ra đời của tôn giáo. Đặc biệt là những trạng thái tâm lý tiêu cực. Các nhà duy vật cổ đại đưa ra quan điểm cho rằng “sự sợ hãi sinh ra thần linh”. V.I.Lênin tán thành và vạch ra nguồn gốc xã hội của những tình cảm tiêu cực (sự sợ hãi) làm nảy sinh tôn giáo, ông nhấn mạnh rằng trong xã hội có giai cấp “sự sợ hãi đã tạo ra thần linh”<sup>24</sup>.

Việc nghiên cứu các nguồn gốc của tôn giáo cung cấp cho chúng ta cơ sở khoa học để có thể lý giải về nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa

*Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội*

- Nguyên nhân nhận thức.
- Nguyên nhân kinh tế.
- Nguyên nhân tâm lý.
- Nguyên nhân chính trị-xã hội. .
- Nguyên nhân văn hoá.

Từ những nguyên nhân trên đã dẫn đến sự tồn tại của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song càng cần nhận thức được rằng tôn giáo càng có những biến đổi cùng với sự biến đổi của những điều kiện kinh tế-xã hội của quá trình cải tạo và xây dựng xã hội mới.

### **c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo**

1) Khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội gắn liền với công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nên để thay đổi ý thức xã hội, trước hết, cần làm thay đổi tồn tại xã hội, muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người phải xoá bỏ nguồn gốc gây nên những ảo tưởng ấy. Khắc phục ở đây không phải là khắc phục tôn giáo nói chung, mà là khắc phục mặt tiêu cực của tôn giáo..

2) Tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

3) Thực hiện đoàn kết tôn giáo. Đoàn kết giữa những người theo với những người không theo một tôn giáo nào, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng

---

<sup>23</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 2004, t.21, tr.445

<sup>24</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 2005, t.17, tr.515-516



và bảo vệ Tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

4) Cần phân biệt ra hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

5) Phải có quan điểm lịch sử có thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Vì vậy, cần có quan điểm lịch sử có thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo, như V.I.Lênin đã nhắc nhở “người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình có thể”<sup>25</sup>. Trên cơ sở những quan điểm chung ấy, căn cứ vào tình hình tôn giáo thực tế mà các Đảng cộng sản xây dựng, hoạch định chính sách tôn giáo phù hợp để giải quyết đóng dẫn vấn đề tôn giáo ở nước mình.

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Đặc trưng, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa?
2. Tính tất yếu của việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa?
3. Dân chủ là gì? Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?
4. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?
5. Những đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa?
6. Trình bày tính tất yếu và những nội dung cơ bản trong xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa?
7. Dân tộc là gì? Nội dung Cương lĩnh Dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin?
8. Phân tích bản chất, nguồn gốc của tôn giáo?
9. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội? Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo?

## **CHƯƠNG 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI- HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG**

*Sau thời kỳ phát triển tương đối hoà bình, khi chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, sự phát triển không đều đã làm cho những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản bộc lộ một cách sâu sắc. Để giải quyết những mâu thuẫn đó, các nước đế quốc đã tiến hành chiến tranh để phân chia lại thế giới. Các cuộc chiến tranh đế quốc đã làm bộc lộ khâu yếu nhất trong dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Chính ở đó, cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân và những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã đứng lên lật đổ chế độ bóc lột, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới- nước Nga Xôviết.*

### **I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC**

---

<sup>25</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, 1979, t.17, tr.518

**1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới**

**a. Cách mạng tháng Mười Nga**

Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra và kéo dài 4 năm (1914-1918) không chỉ đánh dấu chấm dứt thời kì phát triển tương đối hoà bình của chủ nghĩa tư bản mà cũng chứng tá những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ rất sâu sắc.

Thành lợi của cách mạng Tháng Mười Nga (1917) là thành lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đã đưa chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực, nó đã đặt ra và giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác về cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, về việc xây dựng lực lượng đồng minh của giai cấp vô sản. Cách mạng Tháng Mười cũng chứng minh những dự báo, sự phát triển lý luận chủ nghĩa Mác của V.I.Lênin là đúng đắn, có giá trị mở đường cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Như nhận định của Hồ Chí Minh “*giống như mặt trời chói lọi, cách mạng Tháng Mười Nga chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu người bị áp bức bóc lột trên trái đất*”. Với thành lợi Cách mạng Tháng Mười, nhân loại bước vào thời đại mới- thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

**b. Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới**

Cách mạng Tháng Mười thành công, nhà nước Xôviết- chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động- được thành lập. Nước Nga trở thành nước đầu tiên đi lên chủ nghĩa xã hội trong vũng vầy thù địch của chủ nghĩa đế quốc.

Pháp lệnh đầu tiên của chính quyền Xôviết ban hành là hoà bình nhằm rút ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và ruộng đất nhằm xoá bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ. Đầu năm 1918, V.I.Lênin viết tác phẩm Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xôviết, đặt ra những nhiệm vụ nhằm “*tổ chức và quản lí nước Nga*” chủ trương thông qua chủ nghĩa tư bản quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc và cuộc phản loạn phản cách mạng trong nước buộc nhà nước Xôviết phải thực hiện chính sách “*Cộng sản thời chiến*” (1918-1920).

Mùa xuân năm 1921, chiến tranh và nội chiến kết thúc, V.I.Lênin tỉnh táo đánh giá tình hình đã thay đổi, uốn nắn những sai lầm nóng vội, kịp thời chuyển Chính sách cộng sản thời chiến sang chính sách Kinh tế mới; từ bá tiến thẳng, lựa chọn biện pháp đi vũng lên chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ hiện trạng kinh tế nước Nga lạc hậu. .

Sau khi V.I.Lênin mất, Chính sách Kinh tế mới không được quán triệt thực hiện đầy đủ trên thực tế; từ năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Stalin, Liên xô chủ trương đẩy nhanh quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy nhanh quá trình tập thể hoá nông nghiệp toàn diện. Ở trong nước, Liên xô đã xoá bỏ kinh tế tư hữu và giai cấp bóc lột, cải tạo kinh tế cá thể của nông dân thành kinh tế tập thể, đời sống của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc được cải thiện và nâng cao, bộ mặt xã hội đã có những thay đổi to lớn. Thực tiễn xã hội tá ra tính ưu việt hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Ngược lại, thế giới tư bản chủ nghĩa sau khủng hoảng kinh tế 1929-1933 được phục hồi đôi chút, năm 1937 lại rơi vào khủng hoảng kinh tế mới làm cho những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản bộc lộ gay gắt cuối cùng nổ ra chiến tranh thế giới thứ hai. Trong bối cảnh đó, Liên xô, nhờ những thành tựu kinh tế mà sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng cường, đã góp phần quyết định vào việc chiến thắng chủ nghĩa phát xít, cứu loài người khỏi thảm họa trong chiến tranh thế giới thứ hai và nâng cao uy tín của chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

## **2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó**

### **a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa**

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Cộng sản ở nhiều nước châu Âu và châu Á đã lãnh đạo quần chúng nhân dân phối hợp với Hồng quân Liên xô thành một mặt trận chống phát xít, có sự phối hợp chi viện cho nhau, tăng cường liên hệ quốc tế. Chính sự lớn mạnh của các Đảng Cộng sản trong thời kỳ chiến tranh là cơ sở để khi chủ nghĩa phát xít bị đánh bại, Đảng Cộng sản ở nhiều nước đã đứng lên lãnh đạo quần chúng nhân dân vũ trang giành chính quyền thành lập nhà nước dân chủ nhân dân. Trong thời gian 5 năm (từ năm 1944 đến năm 1949) ở châu Âu và châu Á đã có 11 nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng 3 phương thức đã giành được chính quyền và sau đó đi lên chủ nghĩa xã hội.

Phương thức thứ nhất chủ yếu dựa vào lực lượng vũ trang của nhân dân nước mình

Phương thức thứ hai chủ yếu dựa vào Hồng quân Liên xô giải phóng đồng thời phối hợp vũ trang của nhân dân nước mình như Cộng hòa nhân dân Ba Lan (1945), Bungari (1946), Rummani (1948), Hunggari và Tiệp Khắc (1946) nhưng sau đó phải đấu tranh trong nội bộ chính phủ để trục xuất các phần tử tư sản, trở thành nước cộng hòa dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo (Hunggari 7/1947; Tiệp Khắc 2/1948) và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên thành lập 1948.

Phương thức thứ ba hoàn toàn do Hồng quân Liên xô giải phóng và dưới sự giúp đỡ của Liên xô để đi lên con đường chủ nghĩa xã hội như CHDC Đức (10/1949).

Vậy là sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ một nước đã mở rộng ra 13 nước ở châu Âu và châu Á.

### **b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực**

Trải qua hơn 70 năm tồn tại và phát triển chủ nghĩa xã hội đã đem lại những thành tựu to lớn

1) Về chính trị. Chế độ người bóc lột người đã bị xoá bỏ, trên phạm vi toàn xã hội không còn tồn tại giai cấp bóc lột, chế độ xã hội chủ nghĩa từng bước được xây dựng, nhân dân lao động trở thành người làm chủ đất nước.

2) Về kinh tế. Từ những điểm xuất phát thấp, nhưng nhờ tập trung nguồn lực của cải vật chất, phát huy sức mạnh chính trị, các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu to lớn trong kinh tế. Nhịp độ phát triển kinh tế trong những năm 60, 70 của thế kỷ XX ở các nước xã hội chủ nghĩa đã cao hơn 2 lần so với các nước tư bản chủ nghĩa.

3) Về văn hoá khoa học kỹ thuật. Các nước xã hội chủ nghĩa càng đã đạt được những thành tựu rực rỡ: nâng cao trình độ học vấn cho người lao động, dẫn đầu thế giới về nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực nghiên cứu chinh phục không vũ trụ. Trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế càng có những thành tựu to lớn.

## II. SỰ KHỦNG HOẢNG VÀ SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔ VIẾT. NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

### 1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết

Ra đời và tồn tại trong điều kiện bao vây của chủ nghĩa đế quốc, để tồn tại và phát triển, V.I.Lênin đã từng thể nghiệm hai phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội: Cộng sản thời chiến và chính sách kinh tế mới. Sau khi V.I.Lênin mất, Stalin đã thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình **a)** Công nghiệp hoá và tập thể hoá nông nghiệp với tốc độ tập trung cao trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. **b)** Nhanh chóng xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Xoá bỏ thị trường tự do, thiết lập nền kinh tế hiện vật. **c)** Nhà nước trực tiếp điều hành nền kinh tế theo kế hoạch tập trung thống nhất, Đảng giữ vai trò lãnh đạo nhưng thực chất Đảng trực tiếp điều hành nhà nước.

Với mô hình tổ chức kinh tế xã hội như vậy, chủ nghĩa xã hội đã biến tất cả mọi thành viên trong xã hội trở thành người làm công ăn lương cùng với cơ chế kế hoạch hoá tập trung, làm hạn chế khả năng, sức sáng tạo của người lao động.

Song sự ra đời, tồn tại của chủ nghĩa xã hội kiểu Xôviết không phải là sản phẩm thuần túy mà bắt nguồn từ hoàn cảnh và nhu cầu lịch sử cụ thể.

Tuy nhiên, mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết được xây dựng trên cơ sở chưa đủ chín muồi về cơ sở vật chất, nên trong thực tế đã vi phạm quy luật kinh tế khách quan quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong điều kiện lực lượng sản xuất chưa

phát triển và cũng ở nhiều trình độ khác nhau, nhưng đã vội vã xác lập quan hệ sản xuất công hữu và phương thức phân phối mang tính bình quân, bao cấp, từ đó hạn chế tính sáng tạo của cơ sở, của người lao động.

Để thoát khỏi khó khăn khủng hoảng các nước xã hội chủ nghĩa đều nhận thấy sự cần thiết là phải tiến hành cải cách, cải tổ, đổi mới. Trong quá trình thực hiện một số nước đã thành công từng bước đưa đất nước vượt qua khó khăn, khủng hoảng, tiếp tục kiên định đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Một số nước khác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, chế độ xã hội chủ nghĩa sau nhiều năm xây dựng, nhưng chỉ trong 2 năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (tháng 12/1991) và Đông Âu (tháng 9/1989) đã sụp đổ.

## **2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực mô hình kiểu Liên Xô**

### **a. Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xôviết**

Chủ nghĩa xã hội Xôviết ra đời trong điều kiện lịch sử đặc biệt, mô hình tổ chức xã hội để thích ứng với hoàn cảnh lịch sử đó khó tránh khỏi những khuyết tật. Khi điều kiện lịch sử thay đổi mô hình đó không kịp thời thay đổi bổ sung để thích ứng thì những khuyết tật ấy bộc lộ ra và dẫn tới khủng hoảng toàn hệ thống. Nếu như mô hình tổ chức xã hội dựa trên kế hoạch hoá tập trung đã phát huy được sức mạnh cho cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại thì trong điều kiện hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội mô hình này tỏ ra không phù hợp. Cơ chế kế hoạch hoá tập trung làm mất đi tính chủ động sáng tạo của người lao động, chậm trễ trong việc tiếp thu những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Trong khi đó các nước tư bản chủ nghĩa với nền kinh tế thị trường lại tiếp nhận thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ vào những năm 80 của thế kỷ XX nhanh hơn các nước xã hội chủ nghĩa. Trong những điều kiện lịch sử mới, mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết tỏ ra không còn phù hợp, chính đó là nguyên nhân sâu xa làm cho xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng dẫn tới sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.

### **b. Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ**

Với cùng một mô hình tổ chức xã hội kiểu Xôviết, khi gặp khó khăn khủng hoảng các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải cách, cải tổ, đổi mới, nhưng Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu thì sụp đổ, một số nước xã hội chủ nghĩa khác thì không. Chung quy lại vấn đề nảy sinh từ nội bộ Đảng cầm quyền và sai lầm, sự phản bội của những người lãnh đạo cao nhất.

Trong cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng không coi trọng kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn nước

mình và đặc điểm thời đại, không coi trọng việc kế thừa, bổ sung và phát triển lý luận mácxít. Hoặc là giáo điều, rập khuôn máy móc, không căn cứ vào tình hình mới để phát triển sáng tạo.

Về tổ chức. Chế độ tập trung trong Đảng bị phá hoại, không những làm cho Đảng mất khả năng của bộ chỉ huy chiến đấu mà ngay mâu thuẫn trong đảng càng không giải quyết nổi.

Lực lượng phản bội trong nước tìm chỗ dựa từ các chính phủ tư sản bên ngoài, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội càng xem đây là cơ hội tốt để thực hiện ý đồ “diễn biến hoà bình”.

Vậy chủ nghĩa xã hội sụp đổ có phải là tất yếu lịch sử?

### III. TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

#### 1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

##### a. Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi

C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng đánh giá rất cao vai trò lịch sử của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Trong tác phẩm Tuyên ngôn của đảng cộng sản, các ông viết “giai cấp tư sản đã đóng vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử”; song các ông càng dự báo và chứng minh những dự báo của mình “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”.

##### b. Các yếu tố xã hội chủ nghĩa đang nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản

Theo quan điểm của C.Mác “sự thay thế của các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên”. Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội với tư cách là hai hình thái kinh tế xã hội khác nhau, kế tiếp nhau, xã hội trước tất yếu bị xã hội sau thay thế, xã hội sau vừa phủ nhận xã hội trước vừa kế thừa và phát triển những thành tựu mà xã hội trước tạo ra. Tuy nhiên điều đó vẫn chưa đủ vượt ra khỏi cái khung tư bản chủ nghĩa, sự biến đổi về lượng chưa chuyển thành sự biến đổi về chất, vẫn là chủ nghĩa tư bản.

##### c. Tính đa dạng các xu hướng phát triển của thế giới đương đại

Sau cách mạng Tháng Mười nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự tồn tại hai hệ thống kinh tế xã hội đối lập nhau đã tác động đến sự lựa chọn con đường phát triển của các dân tộc.

Ở các nước vốn trước đây là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc sau khi giành độc lập đã, đang lựa chọn con đường phát triển của dân tộc mình. Con đường tư bản tư nghĩa trong những điều kiện nhất định đã đem lại những thành công cho một số nước cũng phần lớn cách nước khác không thoát khỏi đói nghèo, nợ nần chồng chất.

Ngay ở các nước tư bản phát triển càng nảy sinh xu hướng phát triển “phi tư bản”, “hậu tư bản”, xu hướng xã hội dân chủ v.v điều này chứng tá chủ nghĩa tư bản không phải là “xã hội tốt đẹp cuối cùng”, không phải là tương lai của loài người mà nó sẽ phải bị thay thế.

## **2. Chủ nghĩa xã hội- tương lai của xã hội loài người**

### **a. Sự sụp đổ của Liên xô và các nước Đông Âu không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội**

Sự tan rã của Liên xô, Đông Âu không phải là sự thất bại của chế độ và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà chỉ là sự thất bại của một mô hình thực tiễn nhất định. Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Liên xô, mô hình chủ nghĩa xã hội cứng nhắc, nó không đồng nghĩa với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội với tính cách là một hình thái kinh tế-xã hội mà loài người đang vươn tới. Sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu càng không vì thế mà thay đổi nội dung, tính chất của thời đại. Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu chỉ chứng tá tính quanh co, phức tạp của sự phát triển xã hội mà thôi.

### **b. Các nước xã hội chủ nghĩa cũng lại tiến hành cải cách mở cửa, đổi mới và ngày càng thu được những thành tựu to lớn**

Trong bối cảnh Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, thì ở một số nước xã hội chủ nghĩa khác điển hình là Trung Quốc và Việt Nam đã tiến hành đổi mới, cải cách mở cửa thành công, đã đưa đất nước vượt qua khó khăn khủng hoảng và đạt được những thành tựu to lớn.

Sau hơn 30 năm (1978) cải cách, mở cửa của Trung Quốc, hơn 20 năm (1986) đổi mới ở Việt Nam, Trung Quốc và Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, được cộng đồng quốc tế thừa nhận và đánh giá cao, vị thế của Trung Quốc và Việt Nam ngày càng được thế giới tôn trọng. Thành công của cải cách, mở cửa của Trung Quốc, đổi mới ở Việt Nam càng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin, của chủ nghĩa xã hội.

### **c. Sự xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở các nước Mỹ Latinh**

Cùng với những thành công của công cuộc cải cách, đổi mới của Trung Quốc và Việt Nam, sự hồi phục của các Đảng Cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, ở Mỹ Latinh đã xuất hiện xu hướng thiên tả từ những năm 90 của thế kỷ XX và hiện nay không ngừng lớn mạnh.

Tóm lại, tình hình thế giới đang vận động rất phức tạp, những diễn biến từ sau cách mạng Tháng Mười Nga đến nay càng chứng tá dù phải trải qua những bước quanh co phức tạp nhưng loài người nhất định tiến tới chủ nghĩa xã hội, đó càng chính là quy luật vận động khách quan của lịch sử.

## **Câu hỏi ôn tập**

1. Sự ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó?
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết?





**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nxb. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009;
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/ 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Dự thảo 5 Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tháng 9/2008 (Tài liệu Tập huấn tháng 10 năm 2008);
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng). Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008;
5. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Triết học Mác-Lênin. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999;
6. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
8. Hồ Chí Minh: Toàn tập. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. Trọn bộ 12 tập
9. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004. Trọn bộ 50 tập;
10. V.I.Lênin: Toàn tập. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005. Trọn bộ 55 tập
11. Các nghiên cứu và bài giảng của các đồng nghiệp